

VĂN ĐỀ

NGUYỆT SAN CHÍNH TRỊ KINH TẾ XÃ HỘI VĂN HÓA

SỐ 3 THÁNG 6 1967

ý nghĩa một sự thức tỉnh (I)	1
nghĩ về thành phố	25
phỏng vấn	30
bài ca khóc ignacio sánchez mejas	38
nghệ thuật và phê bình	49
thơ	61
dư vang nghệ thuật	68
bình nhân ở phòng cấp cứu	82
ngộ nhận	91
ngoại trừ hai con mắt	108
ảo tượng tri thức	112
ngoài lề	120

trần thanh hiệp
thanh tâm tuyên
ng. phụng • lê thương
federico garcia lorca
(thạch chương dịch)
nguyễn sỹ tế
thế viên
trần nhứt tân
mặc đồ
vũ khắc khoan
trần lê nguyễn
tuệ
du thanh hảo
thạch chương

T.B. THÁI TUẤN

CHỦ NHIỆM SÁNG LẬP : VŨ-CÔNG-TRỰC
 CHỦ BIÊN : VŨ-KHẮC-KHOAN
 THƯ KÝ TÒA SOẠN : THANH-TÂM-TUYÊN

TRẦN THANH HIỆP

ý nghĩa một sự thức tỉnh (I)

Tháng 3 năm 1953 tại Mạc Tư Khoa, thủ Đô của Liên Xô giữa lúc một «cuộc âm mưu của những người mặc áo choàng trắng» (complot des blouses blanches) vừa bị phát giác đưa tới việc kết tội 15 bác sĩ tên tuổi và đe dọa một số «nhân vật tên tuổi và cao cấp» khác đã che chở và tiếp tay cho các thủ phạm thì bầu không khí ngột thở bỗng được giải tỏa một cách bất ngờ : Joseph Vissarionovitch Staline, con người thép cai trị cả một đế quốc đỏ từ trên. Trong một lúc số người thuộc giới lãnh đạo cao cấp của bộ máy khổng lồ Đảng Cộng Sản mừng thầm vì thoát khỏi cuộc thanh trừng khủng khiếp thì ngoài đường phố hàng vạn dân chúng chen lấn xéo lên nhau kéo tới Công Trường Đỏ nhìn một lần cuối cùng di hài nhà lãnh tụ mà cho đến nay họ tôn sùng và sợ hãi. Đồng chí vĩ đại Staline đã chết ! Trước đó không lâu, tại Hội Nghị thứ 19 của Đảng Cộng Sản Liên Xô, Staline vừa được chào mừng như một anh hùng chiến thắng trong cuộc đệ nhị thế

chiến với khẩu hiệu « Hoan hô Đại Đồng Chí Staline » « Đại Đồng Chí Staline vạn tuế ». Cái chết của Staline đối với dân chúng Nga, hay dân chúng những nước cộng sản trên thế giới là sự sụp đổ của một thần tượng chói lòa ánh sáng của Hùng Cường, của Tiến Bộ.

Nhưng tại Điện Cẩm Linh, cái chết của Staline lại mang một ý nghĩa khác. Nó đánh dấu một cuộc nội loạn trước hết giữa những người thân cận của Staline rồi sau lan dần trong khắp Thế Giới Cộng Sản. Nhiều biến cố dồn dập xảy đến làm cho bộ mặt của thế giới này biến đổi mau lẹ, đi từ sự tranh chấp quyền bính nội bộ Nga Xô qua những chỗi dậy của dân chúng bị chính quyền độc tài vô sản áp bức đến sự phân hóa hàng ngũ cộng sản thế giới đối lập Bắc Kinh với Mạc Tư Khoa.

Đối với lịch sử Nga Xô từ khi Staline chết đến nay biến cố được coi là quan trọng là việc Nikita Khrouchtchev lên cầm quyền. Khrouchtchev không phải là người quan trọng nhất trong hàng ngũ lãnh đạo Đảng Cộng Sản Nga Xô khi Staline chết. Malenkov, Bériia, Zoukov, Molotov còn đứng trên Khrouchtchev. Nhưng cũng như Staline với chức vụ Đệ Nhất Bí Thư Đảng Cộng Sản, Khrouchtchev đã dần dần loại trừ hết các đối thủ nhất là Malenkov, Bériia để cầm trong tay trong 10 năm trời vận mạng chẳng những của nước Nga, một trong hai đại cường quốc trên thế giới hiện nay mà còn cả của một đế quốc đồ-bao-la đang bành trướng khắp năm châu.

Đối với lịch sử Cộng sản quốc tế, người ta không thể quên được những cuộc khởi nghĩa ở Ba Lan, ở Hung gia Lợi và nhất là sự đối đầu của Trung Cộng đối với Nga Xô, một sự đối đầu quyết liệt và toàn diện hơn cả

sự đối đầu giữa hai quốc gia thù địch. Và bởi lẽ mỗi bên đều kéo thêm đồng chí đứng sau làm hậu thuẫn nên cuộc tranh chấp Nga Hoa đã phá vỡ sự nhất chí của chủ nghĩa Mác Lê đồng thời chia xé hàng ngũ của đạo quân vô sản thế giới.

Những người ngoài cuộc, xưa nay vốn hay nhìn vào nội bộ cộng sản một cách hoặc đơn giản hoặc rất chủ quan. Nhất là ở Việt Nam trên bình diện ý thức hệ những luận điệu chống cộng cũ kỹ « Tam vô » hoặc « Độc tài khát máu » cách đây không lâu vẫn còn được coi như những giáo điều tổ cộng. Hiện nay vấn đề hòa bình, vấn đề đại đoàn kết dân tộc hơn một lần đã được chính thức nêu lên và hy vọng được đặt vào hàng quốc sách. Không ai có thể phủ nhận được tính cách anh hùng của hàng triệu chiến sĩ hữu danh hay vô danh đã chống giữ cho nước Việt Nam khỏi trở thành một quốc gia chư hầu Cộng sản, cho người Việt Nam còn có một phần đất cuối cùng để tạo lập một cuộc đời khác với cuộc đời Cộng sản. Và mặc dầu thể bành trướng của Cộng sản vẫn còn mạnh      người ta càng ngày càng thấy rõ chủ nghĩa cũng như tổ chức Cộng sản đang trải qua những biến đổi ngoài sự dự tính của chính họ và làm mất đi giá trị được coi là tuyệt đối của những nguyên lý Cộng sản.

Nhưng chính vì vậy mà cần phải nhìn rõ vào thực trạng mới này. Phải chăng trong tương lai cả khối người cuồng tín, nhất chí, đồng chất Cộng sản sẽ phủi chốc tan rã để chấp nhận số phận của những kẻ thất trận đầu hàng? Hay ngoại trừ trường hợp có thể tận diện hơn một tỉ con người bằng khí giới nguyên tử

nhân loại sẽ vô cùng khó khăn rũ bỏ được áp lực nặng nề của khối người không lồ ấy nếu không thể đồng hóa nó.

Sự phát triển của chủ nghĩa Mác Xít tại Nga sẽ là một sự cạnh tranh với chủ nghĩa tư bản cổ điển, điều này sẽ tạo nên những thay đổi trong các nước Tây phương (1).

Dẫu muốn nhìn tương lai dưới khía nào chăng nữa người ta cũng vẫn tìm thấy một dữ kiện căn bản: Trung cộng là trung điểm của chính trị thế giới và quá nhiều điều phụ thuộc vào nước này khiến người ta không thể chỉ lên án hoặc không biết đến nó. Đã đến lúc người ta phải tìm hiểu dữ kiện đó (2).

Dưới đây một số sự kiện đã xảy ra trong thế giới Cộng sản trong khoảng thời gian 14 năm qua kể từ ngày Staline chết sẽ được nhắc nhở tới không phải trong khuôn khổ một cuộc tranh luận ồn ào với những «khuôn sáo» cũ, thành kiến cũ mà là một cuộc xâm nhập vào vùng ý thức Cộng sản cho tới nay vẫn được coi là cấm địa. Vấn đề được đặt ra là tìm hiểu một cách càng khách quan càng hay những biến chuyển trong nội bộ Cộng sản để xác định ý nghĩa của những biến chuyển ấy đối với những người Cộng sản cũng như không Cộng sản như một cuộc vận động ý thức.

Trước đây khi cuộc chiến tranh lạnh bùng nổ giữa Đông và Tây, vấn đề «vượt Mác Xít» đã

(1) Les Nouveaux Bolcheviks (1966 — René Dabernat)

(2) La Chine de Mao, l'autre communisme (1966 — K.S. Karol)

được nêu lên. Nhưng hồi đó ở cả hai bên, người ta đón nhận vấn đề này như những khẩu hiệu tuyên truyền chống cộng. Đối với bên ngoài, khối cộng sản chỉ là một thế giới của hải hùng khép kín bao phủ bởi bức màn sắt. Ngược lại đối với khối cộng sản thì thế giới bên ngoài là xứ sở của phản động, thoái hóa, của bất công chờ đợi giờ phút sụp đổ. Nhưng với thời gian ngay trong lòng nội bộ cộng sản, mở đầu là sự tách rời của Nam Tư, nhiều đổi thay bất ngờ đã liên tiếp diễn ra làm cho khối cộng sản mất đi bộ mặt thống nhất và đoàn kết của một lực lượng quốc tế tự nhận là sức mạnh đang lên của nhân loại đang làm lịch sử cho loài người ngày mai.

Năm 1956 đối với cộng sản thật là một năm của khủng hoảng khi Staline bị hạ bệ một cách chính thức và công khai mặc dầu người lãnh tụ này đã chết được 3 năm. Biến cố này như một trái bom nguyên tử làm rung chuyển cả thành trì cộng sản thế giới, có sức công phá «đầy chuyển» làm nứt rạn chính quyền cộng sản Ba Lan và Hung Gia Lợi. Từ đó mầm mống phân hóa ngày một lớn mạnh cho đến khi Trung Cộng đứng lên đối đầu với Nga Sô thì sự chia rẽ trong hàng ngũ vô sản thế giới đã thành một sự thật có tính cách lịch sử.

Đứng trước tình trạng ấy, những người ngoài cuộc kể cả những người coi cộng sản là kẻ thù không đội trời chung, đều phải nhìn nhận rằng sự thay đổi ấy không bao giờ là kết quả của những cuộc tấn công từ bên ngoài, trái lại chỉ là biến chuyển phát khởi từ nội bộ cộng sản. Nói khác đi sau gần nửa thế kỷ xuất hiện và đi

sâu vào đời sống nhân loại, chủ nghĩa cộng sản bắt đầu gặp phải sức phản ứng của nhân loại.

Một tác giả người pháp—Bernard Féron đã có sáng kiến gọi nước Nga trong những năm dưới thời Khrouchtchev cầm quyền là Liên Xô không thần tượng (1).

Có thể nói trong giới lãnh đạo cộng sản Nga Xô, Khrouchtchev không phải là một nhân vật xuất sắc về lý thuyết cũng như về thực hành. Thế mà con người này đã cầm quyền được mười năm không cần phải có «bàn tay thép» của Staline. Sự vắng thiếu thần tượng đối với cộng sản là một sự kiện mới. Riêng tại Nga Xô thì hiện nay nó là một đặc tính. Những người đã truất phế và lên kế vị Khrouchtchev không hề tỏ lộ ý định công khai cũng như thâm kín tự tạo thành những thần tượng mới Brejnev hay Kossygine chỉ là những người cầm quyền như những chính khách tây phương. Riêng tại Trung Cộng, Mao Trạch Đông vẫn còn giữ được—hay còn muốn giữ—địa vị thần thánh đã bị chôn vùi với Staline. Nhưng Mao Trạch Đông đã gặp phải sức chống đối đáng kể với Lưu Thiệu Kỳ và Đặng Tử Bình những đồng chí cũ của ông ta. Ưu thế mà họ Mao còn nắm được nhờ Lâm Bưu và Vệ Bỉnh Đồ sẽ tồn tại cho đến bao giờ và có thể tránh cho người lãnh tụ này hay bất cứ ai kế vị ông ta một bản án mà Staline đã nhận chịu hay không?

Dẫu sao những biến đổi trong thế giới cộng sản những năm gần đây đã quá sâu rộng và quan trọng khiến người ta tin rằng những người lãnh đạo cộng sản

(1) L'URSS SANS IDOLE (1966. Bernard Féron)

khó có thể đi ngược lại dòng tiến hóa. Nhưng nói thế không có nghĩa là cộng sản sẽ tiêu tan!

Trong tương lai những cuộc tranh chấp một mặt giữa hai khối Tự Do và Cộng Sản, mặt khác giữa nội bộ mỗi khối sẽ đem lại cho nhân loại những biến đổi nào? Câu trả lời chắc chắn sẽ rất phức tạp.

Bài này là một cố gắng rất khiêm nhường để tìm hiểu những biến chuyển kể trên. Giấc mộng vĩ đại của Marx và Engels tạo lập nên một nhân loại đại đồng trong đó người không còn bóc lột người, người được tự do và sung sướng tuyệt đối — hình ảnh của xã hội cộng sản — chừng nào sẽ thành sự thật? Tiếng gọi đàn «Vô sản thế giới hãy đoàn kết lại» còn đủ sức mạnh qui tụ tất cả những ai đau khổ không phân biệt màu da, biên giới hay không?

Những người hậu bán thế kỷ 20, những người đang sửa soạn cuộc đời của thế kỷ 21. bất luận ở bên này hay bên kia giới tuyến chia đôi thế giới đã cởi bỏ được một số ảo tưởng và đam mê cổ hữu để giải quyết đời sống của họ trên hai yếu tố căn bản: Con người và Dân Tộc. Trên hai lãnh vực này, những người cộng sản trong khoảng thời gian hơn 10 năm nay đã cống hiến cho nhân loại những kinh nghiệm quý báu có giá trị như những giấc ngộ nhân bản hứa hẹn đưa cuộc tranh chấp Quốc Cộng đến hồi kết thúc đẹp đẽ: Giữa những xiềng xích của độc tài khủng bố, giữa cơn hôn mê cuồng tín, Con Người muốn thoát bắt đầu thức tỉnh. Trong lòng tổ chức quốc tế, tinh thần Dân Tộc đã được phục hưng mạnh mẽ. Đó là bài học mà một phần của nhân loại đã thấu lượm

được sâu hơn một thế kỷ chìm đắm trong say mê cộng sản.

Trong tư tưởng của Karl Marx, vấn đề then chốt là vấn đề « Con người », không phải con người trừu tượng mà là con người được « vị trí hóa » trong quá trình tiến hóa của lịch sử, đi từ Cộng sản nguyên thủy qua các thời kỳ nô lệ, phong kiến, tư sản đến sau cùng chuyển sang thời kỳ Cộng sản tiến bộ. Hiện nay là giai đoạn cuối cùng của thời kỳ tiền sử của nhân loại, giai đoạn cực đau khổ nhưng đồng thời cũng là giai đoạn tiên khởi cho cuộc cách mạng cuối cùng đưa tới xã hội tương lai tận thiện tận mỹ.

Những người kế nghiệp K. Marx cũng vẫn trung thành với lối ấy của K. Marx :

« Chủ nghĩa Cộng sản thi hành một sứ mệnh lịch sử, giải phóng tất cả mọi người thoát khỏi bất bình đẳng xã hội, khỏi mọi hình thức áp bức và bóc lột, mọi ghê sợ của chiến tranh. Nó thiết lập trên mặt đất, Hòa Bình, Lao Động, Tự Do, Bình Đẳng, Tình Huynh Đệ và Hạnh Phúc cho tất cả mọi dân tộc. » (1)

Đó là mục đích của chủ nghĩa Cộng Sản mà Đảng Cộng Sản Sô Viết đề ra trong chương trình hành động

(1) Les Principes du Marxisme — Léninisme (Editions du Progrès — Moscou)

của đảng này, nhằm đạt tới « sự bình đẳng thật sự, sự tự do toàn vẹn, sự phát triển đầy đủ của con người ».

Vẫn biết rằng không phải chỉ riêng chủ nghĩa Cộng sản mới nói đến con người, nhưng điểm mà người Cộng sản tự cho mình khác biệt với mọi hệ thống tư tưởng cũng như tôn giáo khác là họ chọn Con Người Cụ Thể (l'homme concret) làm xuất phát điểm, để cứu con người thoát khỏi tình trạng nô lệ, tối tăm, khổ nạn của con người hiện đang sống trong chế độ người bóc lột người để tái sinh con người thui chột vong thân (aliéné) riêng rẽ thành Con Người Toàn Diện (l'homme total) trong toàn thể nhân loại.

Ý thức nhân loại nhờ ở chủ nghĩa mác-xít mà có được một lý tưởng mới, lý tưởng Tự Do cụ thể (liberté concrète) (1).

Nhưng có thật con người do Cộng sản đề xướng phân tích và tạo nên là một con người cụ thể được tự do một cách cụ thể hay không ?

Câu hỏi này gồm có hai phần, một phần thuộc về lý thuyết và phần khác thuộc về thực tế.

Về mặt thực tế, ai cũng phải công nhận — kể cả những người cộng sản — rằng chưa thể có tự do trong giai đoạn còn cần phải duy trì nền vô sản chuyên chính để tiêu diệt hết mọi phần tử phản cách mạng. Nhắc lại rằng Cộng sản độc tài là làm một công việc thừa, nghĩa là hiện nay đối với Cộng sản chỉ có sự áp bức cụ thể mà thôi, tự do cụ thể là đặc quyền của

(1) Henri Lefèvre — Problèmes actuels du Marxisme.

xã hội cộng sản tương lai. Vậy chỉ cần bàn về lý thuyết Cộng sản (Mác-Xít) về con người tự do cụ thể mà thôi.

Về phương diện này đồng chí và môn đệ của Karl Marx không có ai hơn chính Karl Marx cả.

Giáo sư Robert Tucker trong cuốn sách *Philosophy and Myth in Karl Marx* của ông đã nói rằng người ta không thể dễ quyết rằng chủ nghĩa Mác Xít là một chủ nghĩa kinh tế hay triết lý hay lịch sử hay xã hội.

Tuy nhiên kết cục ông đi tới kết luận rằng Karl Marx là một nhà đạo đức học (moralist) diễn tả tư tưởng của mình bằng kinh tế học.

Giáo sư kinh tế học Jean Marchal có một nhận xét theo đó công lao của Karl Marx là đã qui nhập kinh tế học vào xã hội học và triết học, nhưng cả hai học hệ này của Marx đều đáng bàn cãi (1).

Ta cũng có thể nhắc đến một lời phê bình của Giáo sư Raymond Aron về Karl Marx: «Marx không phải là một triết gia về kỹ thuật (philosophe de la technique) như ông Axelos đã viết trong luận án của ông. Cũng không phải là một triết gia về sự vong thân (le philosophe de l'aliénation) như một vài người Mác Xít trẻ tuổi thường nghĩ. Trước hết và trên hết Marx là một nhà xã hội kinh tế học (sociologue-économiste) về chế độ tư bản có một vài ý kiến về thể độ tư bản ...không có một sự hình dung rõ rệt về chế độ xã hội...» (2)

(1) Jean Marchal—Deux essais sur le Marxisme —Editions Génie.

(2) Raymond Aron. Les Grandes Doctrines de Sociologie Historique—Les Cours de Sorbonne (1962).

Những ý kiến nêu trên giúp cho ta đánh giá đúng mức giá trị của quan niệm của Karl Marx về con người. Quan niệm ấy bắt nguồn từ những tư tưởng triết lý của một Karl Marx triết gia thời niên thiếu trước khi lược diện tả bởi một Karl Marx kinh tế gia cao niên.

Mặc dầu công khai tuyên bố đã đảo ngược biện chứng luận của Hegel—thay vì lấy Ý Tưởng như Hegel, thì ông lại lấy Thực tại làm chủ thể — Karl Marx vẫn còn chịu ảnh hưởng sâu đậm của triết gia nổi danh này, hay nói cho đúng hơn của giòng tư tưởng triết học Đức Quốc từ Kant đến Hegel. Đó là ý định thống nhất Thượng Đế với Con Người, bản ngã con người bao bọc và chứa đựng Thượng Đế, một con người siêu nhân có đầy đủ năng quyền và oai vệ như Thượng Đế có tham vọng đạt tới vô hạn. Thượng Đế đã chết và Thượng Đế được di chuyển vào con người. Do đó nảy sinh ra ý niệm *Con Người Tuyệt Đối* làm nền tảng cho một thứ tôn giáo của kiêu căng (religion de l'orgueil) tôn sùng «cái tôi» được coi khả hữu vạn năng. Theo đạo đức học của Kant thì con người tự phần đầu dễ có thể tự tạo thành một hình ảnh phù hợp với đức tính thánh thiện tức sự hoàn hảo tuyệt đối (1).

Karl Marx trong thâm tâm cũng tin tưởng vào con người tuyệt đối ấy, một phát minh của các triết gia Đức đương thời. Nhưng ông có sáng kiến nhấn mạnh về hành động thực hiện bằng cách mạng. Ông đã đề ra một viễn kiến về lịch sử theo đó nhân loại tất nhiên,

(1) Robert Tucker, sách đã dẫn.

sẽ tiến đến xã hội Cộng sản, cần có cách mạng để rút ngắn thời kỳ chuyển đoạn đồng thời cải tạo các điều kiện sinh hoạt để cải tạo bản ngã con người. Mặt khác, bởi không ưa thích chỉ có thái độ chiêm ngưỡng, Karl Marx đã nhìn thẳng vào thực trạng xã hội để nhận định về số phận con người và dùng ý niệm triết lý về con người vừa để dự đoán tương lai vừa để qui định luân lý hành động hay nói đúng hơn, luân lý cách mạng. Muốn có cách mạng phải có những nỗ lực phi thường của con người, khả năng về kiến thức, khả năng hy sinh, khả năng trung kiên, nói tóm lại những đức tính siêu nhân, thần thánh. Rồi bỏ sự suy luận bằng triết lý với kinh tế học, Karl Marx lại tìm ra được Con Người vong thân (*l'homme aliéné*) tức là con người đã đánh mất bản thân vì bị bóc lột, vì bị thui chột, vì bị tiền tài chi phối. Chưa tiêu diệt được hiện tượng vong thân thì con người vẫn chưa đạt tới bản ngã toàn vẹn của nó để tự mình hòa hợp với mình, với đồng loại và với thiên nhiên trở thành con người toàn diện.

Trên đây là tóm tắt một cách hết sức đơn giản luận thuyết của Karl Marx về con người cụ thể. Chúng ta nhận thấy thật ra con người ấy cũng chỉ cụ thể được một đôi phần liên quan đến con người sống dưới chế độ gọi là tư bản vào thế kỷ thứ 19 mà thôi, ngoài ra vẫn còn có tính cách trừu tượng và huyền bí khi Karl Marx lại rời bỏ Kinh tế Học, trở lại với triết lý để dự đoán con người, lý tưởng tương lai bằng

con người toàn diện của thời « *hậu sử* ». Vẫn theo Raymond Aron thì về điểm này chính Karl Marx cũng nghiêng ngả giữa hai chủ đề tương phản nhau : theo quan niệm thứ nhất thì con người tái tạo nhân cách của nó là có lao động, vậy loại bỏ được lao động là nhân loại hóa được xã hội. Quan niệm thứ hai, trái lại chủ trương rằng con người chỉ thật sự tự do khi nó ở ngoài lao động, vậy phải giảm bớt lao động tới một mức độ vừa đủ để con người còn có thể vui thú (buổi sáng đi câu cá, buổi tối đọc các tác phẩm của Platon!). Tới đây một câu hỏi được đặt ra: Sự hoạt động nào được coi là thiết yếu để qui định « *tính cách người* » : Nếu con người còn bị chuyên môn hóa theo sự phân công xã hội mà Karl Marx đã chỉ trích thì nó sẽ không toàn diện. Nếu tất cả các năng khiếu của con người đều có thể được nảy nở thì người ta khó có thể hình dung một tổ chức xã hội cụ thể cho con người đó.

Có thể nói Karl Marx đã để lại cho hậu thế một ý niệm về con người rất phức tạp trên cương vị cá biệt cũng như trên cương vị phổ quát. Mang một ý thức khổ sở (*conscience malheureuse*) con người ấy ao ước — và tin tưởng — có thể đi tới chỗ tận cùng của nhân sinh : chấm hết triết lý, kết thúc lịch sử, tận diệt bóc lột v.... Trong viễn kiến ấy, Karl Marx vẫn còn cố gắng cụ thể hóa tư tưởng của mình. Về điểm này Karl Marx đã thất bại khi ông phải mượn của Feuerbach ý niệm « *loại tính* » của con người để là nền tảng hòa đồng mọi cá tính dị biệt. (1).

(1) René de Lacharrière. Etudes sur la Théorie Démocratique.

Karl Marx cho rằng nhờ có «loại tnh», con người có thể tới được toàn thể thực tại, tức là thống nhất với xã hội không còn là một yếu tố trừu tượng đối lập với cá nhân vốn đã sống trong xã hội rồi. Nhưng mặc dầu Karl Marx không bao giờ nhìn nhận như thế — ý niệm «loại tnh» rút lại cũng chỉ là một ý niệm «tiên thiên» về con người mà thôi vì vậy cái mộng cảm nhận được «Con Người Cụ Thể» của Karl Marx đã không thành sự thực.

Các môn đồ của Karl Marx sau này cũng không bỏ tức được những chỗ thiếu sót của ông, vả lại họ chỉ chú trọng «thực hiện» hơn là suy tưởng. Sự say mê hành động, sức cảm dỗ của cách mạng đã đưa họ ngày một xa dần Marx nhất là ý niệm Người. Và đến khi Staline lên nắm quyền tại Nga Sô thì hệ thống tư tưởng của Karl Marx được đơn giản hóa thành một mô giáo điều cứng chắc không chấp nhận một mâu thuẫn nào, đẩy xuống hàng thứ yếu những kiến thức khách quan và đưa lên hàng đầu lòng trung thành, sự tin nhiệm, sự tận tâm vô điều kiện trong không khí tôn sùng cá nhân. Ngoài ra những tác phẩm Karl Marx đã viết ra lúc còn trẻ bị phủ nhận vì còn mang những tàn tích duy tâm. Chủ nghĩa Mác Xít chính thức lúc đó, là trong cuộc khủng hoảng kinh tế, được biến thành một chủ nghĩa kinh tế. Ý niệm vong thân cũng bị từ chối vì nếu ý niệm ấy giúp ích cho việc nghiên cứu đời sống dưới chế độ tư sản thì nó cũng có thể mở xé một cách bất lợi đời sống dưới chế độ Cộng sản, nhất là dưới thời Staline. (1)

(1) Henri Lefevre. Những sách đã dẫn.

Về mặt thực thể, con người phải sống trong hoàn cảnh xã hội bất hùng. Nào lao công cường bách, nào trại tập trung, nào thanh trừng, nào mật vụ. Staline đã tiết lộ với Churchill rằng 10 triệu nông dân đã bị tiêu diệt, và cuộc chiến đấu đàn áp nông dân còn ghê gớm hơn cuộc chiến tranh chống Đức (1).

Sau đệ nhị thế chiến, sự thắng trận của Nga Sô, cùng với sự xuất hiện của một số quốc gia nhược tiểu dưới ngọn cờ Cộng sản và nhất là việc Mao Trạch Đông trở thành bá chủ lục địa Trung Hoa, đã làm cho hàng triệu người tạm quên đi thân phận quá khốn nạn của nó dưới sự cai trị của những môn đồ Karl Marx. Nhưng với thời gian sự chối dậy của họ đã không tránh được: ngay tại Nga sô, thành trì của cách mạng vô sản thế giới, Con Người muôn thừa đã thức tỉnh.

Đầu năm 1956 Đại Hội thứ XX Đảng Cộng sản Sô Viết được triệu tập. Không ai có thể ngờ rằng đó lại là dịp mà Staline, bị hạ bệ một cách tàn nhẫn. Người đầu tiên lên tiếng mở đầu chiến dịch chống Staline là Mikoyan nhưng người đã cho nổ trái bom phá vỡ sự tôn sùng cá nhân chính là Khrouchtchev. Mặc dầu vậy những chuyên viên về những vấn đề chính trị Nga Sô đều đồng ý rằng vụ án Staline đã được chuẩn bị từ lâu với dự tham sự của nhiều người, Khrouchtchev chỉ làm một vai trò quan trọng vào giai đoạn chót mà thôi.

Điều này chứng tỏ rằng chính đa số những người lãnh đạo bộ máy Cộng sản Nga sô, kể cả những người

(1) Luca Pietromarchi — Le Monde Soviétique — Plon.

đã từng cộng tác mật thiết với Staline, đi tiên phong đề chôn vùi cùng với thân xác Staline tất cả những giáo điều nông cạn và độc đoán một thời họ bị bắt buộc phải nhìn nhận là chân lý tuyệt đối. Xua đuổi Staline ra khỏi kỷ ức của dân chúng Nga sô và có thể của cả thế giới Cộng sản, những người lãnh đạo bộ máy Cộng sản Nga sô đã gỡ bỏ những áp bức đối với con người mà hơn ai biết, họ thấu hiểu vì họ đã là nạn nhân. Khrouchtchev từng thú nhận rằng Staline đã làm ông ta run sợ!

Vụ án Staline không phải là nguyên nhân đầu tiên đưa tới những biến chuyển trong nội bộ Cộng sản, mà là một cơ hội để cho những mâu thuẫn bùng nổ. Tháng 6 năm 1953 thợ thuyền Đông Đức nổi dậy, nhưng biến cố này chỉ là một cuộc vùng lên của tuyệt vọng. Ba năm sau, 1956 thợ thuyền và dân chúng Ba Lan và Hung gia Lợi lại hành động để đòi tự do. Mặc dầu thất bại về mặt thực tế nhưng về mặt tinh thần, ý thức tự do của cuộc cách mạng bất thành đã có những tác động mạnh mẽ có hiệu lực tiết giảm độc tài và kết tinh tự do. Nhưng những bản án tử hình của Invre Nagy, Pal Maleter không chấm dứt được cuộc nổi dậy đây chuyển. Tại ngay Nga Sô, âm thầm và liên tục những hạt giống tự do nảy mầm khắp nơi.

Vichinsky, người đã dùng kiến thức chuyên môn về luật học để hợp pháp hóa mọi hành động độc tài của Staline bị đả kích kịch liệt. Luật gia này đã đề xướng một nguyên tắc pháp lý kỳ quái: « tất cả những ai bị bắt đều bị dự đoán là có tội » và muốn thoát tội

phải trưng bằng cơ mình vô tội. Nhiệm vụ của luật sư không phải là biện hộ cho bị cáo mà làm « biểu lộ sự thật » và chỉ được tranh cãi trong phạm vi do công tố viện xác định.

Sau vụ truất phế Staline, giáo sư luật học Strogovitch công khai tấn công quan điểm Vichinsky. Ông đòi phải thay đổi sự dự đoán có tội bằng sự dự đoán vô tội như vẫn được công nhận trên thế giới. Cuối năm 1958 hai Bộ hình luật và Hình luật Tổ Tụng mới được ban hành trong đó quyền tự do cá nhân được thêm bảo đảm. Theo luật mới phải bảo vệ chính thể xã hội nhưng đồng thời cũng phải bảo vệ con người và các công dân quyền.

Trên lãnh vực văn nghệ, vào những năm từ 1946 đến 50, Staline đã tái lập được chế độ văn nghệ chỉ huy dưới danh nghĩa Hiện Thực Xã hội. Chỉ những người nào ca ngợi Đảng, suy tôn Staline mới được quyền sáng tác. Họ phải là những « kỹ sư tâm hồn » góp sức vào việc sản xuất những con người mới, một nhân loại mới và chịu một sự kiểm soát tư tưởng rất nghiêm ngặt. Staline không ngần ngại khủng bố những ai đi sai đường lối, mà Đảng đã vạch ra. Vì thế một số văn nghệ sĩ đứng đắn đã bất hợp tác bằng cách im lặng. Do đó tất nhiên chỉ có một nền văn nghệ giả tạo, cần côi, đầy khuôn sáo tuyên truyền. Cuộc khủng hoảng trầm trọng đến nỗi chính quyền Nga sô phải khởi xướng việc cải cách. Báo « Sự Thật » tháng 4 năm 1952 mở ra cuộc tranh luận công khai để giải quyết vấn đề tranh chấp xã hội. Malenkov trong Đại Hội thứ 9 của Đảng Cộng sản Nga sô đã khuyến khích việc công kích

những gì tiêu cực, thối nát trong xã hội. « Phải có những Gogol mới ! » Nhưng lời kêu gọi của Malenkov không được hưởng ứng vì người ta vẫn còn nghi ngờ sự thành thật của chính quyền.

Khi Staline chết, sự dè dặt này không còn nữa : Những văn nghệ sĩ trước đây từng bị phê bình, ngăn cấm bắt đầu phổ biến tác phẩm của họ, đòi hỏi quyền được tự do tìm tòi và phê diễn. Tạp chí Novy Mir kết tội những người đã hy sinh tất cả để chiều ý Đảng. Một luồng gió mới thổi đến khi Ilya Ehrenbourg đề xướng sự « cởi nói ». Một số tác phẩm cũ trong số đó có các tác phẩm của Dostoievsky được tái bản. Những nhân vật cao cấp đã bắt đầu bị công kích. Cuối năm 1954, giữa Đại Hội các Nhà văn Nga Xô, Michel Cholokhov lên tiếng tố cáo thứ văn nghệ không màu sắc và tồi tệ trong những năm qua và chỉ trích những kẻ vô tài chạy theo giải thưởng, nổi tiếng vì huy chương hơn là vì tác phẩm, làm chính trị hơn là làm văn nghệ. Và sau khi Đại Hội thứ XX hạ bệ Staline thì cuộc tấn công của văn nghệ mới đã diễn ra theo một qui mô rộng lớn, đã có những tác phẩm chối bỏ chế độ « thư lại » là chế độ hiện hành tại Nga xô. Đó là cuốn « Người không sống chỉ vì bánh mì » của Doudintsev. Các nhà thơ, văn tiếp tục lên tiếng phủ nhận quyền của Đảng được can thiệp vào đời tư của cán bộ, chối bỏ quyền cai trị một cách độc tài. Thế là chính những người được coi là « kỹ sư tâm hồn » đã mở cuộc tấn công chế độ, Đảng và Lãnh tụ.

Tất nhiên là những người cầm quyền phản ứng dù

họ đã truất phế Staline vì nếu không chính thể sẽ sụp đổ. Doudintsev bị kết tội nhưng ông không chịu khuất phục. « Hãy để cho tôi bơi một mình dù có thể tôi bị chết đuối. Tôi có cảm tưởng rằng tôi luôn luôn bị buộc vào một chiếc sào như đứa trẻ và điều này khiến cho tôi không bơi được. » (1) Và sau đó đối với Doudintsev chỉ còn là sự im lặng.

Khrouchtchev vì có sự thúc bách của các phần tử thủ cựu đã hội kiến với các văn nghệ sĩ và dùng những lời lẽ trắng trợn đe dọa nạt. Sau khi nhận định rằng tại Hung gia Lợi Rakosi đã lầm lẫn khi không chịu xử bắn một vài nhà văn khuấy động, ông ta nói : « Nếu cần, chúng tôi sẽ không run sợ ».

Nhưng sự cứng rắn của Khrouchtchev thật ra chỉ là bề ngoài để giải quyết những khó khăn nội bộ, để nhượng bộ một phần nào yêu sách của phe bảo thủ sau biến cố ở Hung gia Lợi.

Nhưng không có gì ngăn cản được bước tiến của lực lượng tự do. Tác phẩm « Bác sĩ Jivago » của Boris Pasternak lại gây thêm rắc rối nhưng rút cục phản ứng của chính quyền Nga xô lúc đó không nhiều hơn biện pháp ngăn cấm việc đem ra khỏi Nga xô các tác phẩm văn nghệ trước khi được xuất bản tại đây !

Mặt khác một lớp người trẻ công khai tỏ bày lòng kính phục Pasternak, người đã từ khước sáng tác dưới thời Staline, tự coi mình như một « di dân trong nội địa » và bắt đầu xuất hiện một số tác giả mới các nhà văn trẻ Tendiakov, Aksionov, Kazahov, các nhà thơ Evtouchenko, Voznessenski. Những người đi trước

(1) Bervard Féron. Sdd.

đòi quyền được có « ý kiến cá nhân » để tìm hiểu và trình bày những mâu thuẫn của con người, đặt những vấn đề mà Đảng chưa giải quyết. Những người viết trẻ không chờ đợi được cho phép, họ đã đi thẳng vào một vũ trụ mới. Evtouchenko làm thơ tấn công cả những nhân vật thuộc Chủ tịch Đoàn. Ehrenbourg tranh đấu cho sự có mặt của nhiều trường phái văn nghệ và cho sự hiểu biết mới về Tây phương. Nekrassov đi thăm viếng Mỹ Quốc nhìn nhận ở đó cũng có nhiều điều tốt như ở Nga xô và người ta cũng có thể tìm thấy ở Nga xô nhiều điều xấu như ở Mỹ Quốc.

Sau đó, Khrouchtchev cho phép đăng một chuyện ngắn của Soljenitsine trên tạp chí Novy Mir chứng minh tính cách vô nhân đạo và phi lý của chế độ. Không ngờ việc này lại là nút biến chuyển đưa tới kết thúc thắng lợi về phía những người trẻ.

Nhân một cuộc triển lãm tại Thủ Đô Mạc Tư Khoa, một số người bảo thủ có dụng ý đưa Khrouchtchev vào bẫy. Họ dẫn Khrouchtchev vào phòng trưng bày tác phẩm vô hình dung. Trước một bức tranh trừu tượng, Khrouchtchev đã thốt lên lời phê bình này: « Có lẽ cái đuôi con lừa đã vẽ bức họa này ». Nhưng nhà điêu khắc Neisvestny đã phản công: « Xin ông hãy lo về chính trị và đừng dính dáng gì đến thẩm mỹ bởi vì ông không biết gì đến vấn đề này cả ! ».

Ít lâu sau nhiều nhân vật nổi danh trong giới nghệ thuật và khoa học đồng ký tên một bức thư gửi cho Khrouchtchev đòi hỏi quyền tự do nghiên cứu.

Tất cả những việc trên thúc bách Khrouchtchev

phải chỉnh thức có thái độ. Ngày 8 tháng 3 năm 1963 Khrouchtchev lại đọc một bài diễn văn vừa cảm động vừa nẩy lửa nhìn nhận rằng trình độ thưởng ngoạn của mình « què mùa » nhưng ông ta đã chê trách nghiêm khắc những người cải cách nghệ thuật « không nên ăn cắp bánh mì của dân chúng » vì tác phẩm của họ không trả ơn gì cho dân chúng. Đồng thời Khrouchtchev cũng buộc rằng cuộc tranh chấp giữa hai thế hệ trẻ và già phải chấm dứt.

Cái lối giải quyết nửa cương nửa nhu của Khrouchtchev dấu sao cũng có điểm tốt là sau cùng mảnh đất tự do của các tác giả được nới rộng hơn.

Mặc dầu vậy trong những năm 1964 trở đi vẫn còn có những biện pháp khủng bố văn nghệ sĩ: nhà thơ Brodski bị đưa đi lưu đày, các nhà thơ văn Simiavski và Daniel bị bắt và kết án. Ngoài ra còn có nhiều người khác bị cầm giữ với lý do mắc bệnh thần kinh.

Nhưng phải công nhận rằng những người cầm bút đã thành công trong những công việc mà dưới thời Staline họ bị ngăn cấm:

- 1.— Họ đã tố cáo được những trọng tội của Staline.
- 2.— Họ đã trình bày được những tranh chấp giữa cá nhân và xã hội.

3.— Họ đã không lấy những khẩu hiệu của Đảng mà lấy con người làm đề tài. Rất nhiều tác phẩm mới văn, thơ, hội họa, phim ảnh v.v... đã được phổ biến sâu rộng trình bày một nhân sinh quan mới theo đó nghệ thuật có quyền phơi bày những tình cảm không

liên quan đến ý thức hệ chính thức và nghệ thuật có quyền khám phá đời sống.

Những tác phẩm ấy đã gọi dậy tinh thần tự do và độc lập của con người cá nhân, xuất hiện ngay trong một chế độ tiêu diệt nó.

Được gọi dậy, con người ấy đã sống một cách mãnh liệt, nó không còn thể bị bóp nghẹt nữa. Cuộc hạ bệ Staline có hậu quả bất ngờ là thay đổi cả một trạng thái tinh thần của các cán bộ lãnh đạo cũng như của dân chúng.

Về mặt kinh tế, xã hội, con người phục tùng vô điều kiện cũng đã chối bỏ quyền điều khiển của nhà nước : Nó đã từ chối những hàng hóa, vật dụng nào không tốt không đẹp. Nó đã lựa chọn quần áo, giày dép, vải vóc như một « người tiêu thụ » ở các nước tự do kinh doanh. 126 triệu phụ nữ đã là những yếu tố thúc đẩy cuộc đổi mới. Họ đòi hỏi máy lạnh, xe hơi, nhà ở, phần sáp v.v.. sự đòi hỏi không ai cưỡng lại được. Ngoài ra còn có cả một thế hệ trẻ đông 1/3 dân số, không quá 25 tuổi, thế hệ này ra đời vào lúc Đệ nhị thế chiến kết thúc. Nó không biết đến sự khủng bố, sự hạn chế của thời Staline, và nó lớn lên giữa lúc ông cha công khai đòi quyền tự do. Với họ chủ nghĩa Cộng sản phải phục vụ con người chứ không phải con người phục vụ chủ nghĩa Cộng sản.

Nói tóm lại từ sau khi Staline chết, Nga số đang trải qua một cuộc Phục Hưng. Xưa kia Trung Cổ cũng đã bị dân chúng Âu Châu chối bỏ trong những điều kiện tương tự : thần tượng bị đập vỡ, tư tưởng thay đổi. Dầu muốn hay không muốn thời đại của Staline đối với người Nga nay đã là thời Trung Cổ.

Sự xuất hiện của con người cá nhân trong một chế độ Cộng sản đối với nhân loại là một sự kiện lịch sử. Trước hết về mặt Cộng sản thuần túy, hiện tượng này chứng tỏ rằng những tay tổ Cộng sản không tìm thấy được con người ấy có lẽ là « con người cụ thể » mà họ diễn tả một cách trừu tượng. Với 50 năm cầm quyền, những người Cộng sản Nga Số đã biến cuộc cách mạng 1917 thành một chế độ và làm cho nước Nga thành một đại cường quốc. Nhìn vào thành tích đạt được họ có thể làm cho quên đi những tội ác của quá khứ. Nhưng họ không thể không biết đến những vấn đề của con người hiện tại và tương lai : Cùng với sự xuất hiện của con người cá nhân — con người đợt sống mới — còn có xuất hiện của tâm hồn. Văn chương Nga số là sự âu lo của tâm hồn và sự dậy men của con tim. Ngày nay tâm hồn ấy đang chịu cuộc thử thách của một chủ nghĩa thiên về vật chất, duy lý triệt để. Ta chưa có thể kết luận rằng bên nào đã thắng nhưng chính sự song hành này có thể cho ta những phê bình chân xác về chủ nghĩa cộng sản. Đó là một chủ nghĩa đề cướp chính quyền, đề kỹ nghệ hóa một quốc gia trong những điều kiện xã hội đầu thế kỷ XX tại nước Nga. Đó là một ý chí chối bỏ hiện tượng người bóc lột người và sự hiểu biết tường tận về hiện tượng này. Đó là một khát vọng tự do. Không bao giờ nó có thể là một chân lý vĩnh cửu về con người và cho con người. Staline đã khai sinh ra sức mạnh trên sự đau khổ cùng cực. Nhưng con người không thể hy sinh nó trước khi nó thực hiện nó. Nếu nó bị ép buộc phải làm như vậy, chẳng chóng thì chầy nó cũng chối dậy. Tình trạng xã hội của nước

Nga từ 1953 đến nay không phải là một tình trạng giả tạo, xếp đặt nữa, mà là bộ mặt của bất cứ một xã hội nào bắt đầu phú cường và phú cường tất phải đưa tới tự do dị biệt. Chính bởi nhìn thấy sự thức tỉnh của con người cá nhân ấy nên Mao Trạch Đông đã phát động phong trào Vệ Binh Đỏ mong tiêu diệt hết những mầm mống của sự chỗi dậy. Nhưng Mao Trạch Đông có chặt đứt được cả khối người hơn 700 triệu với quá khứ của nó để làm như Staline trước đây đã dự định: thay đổi thiên nhiên, sản xuất ra một nhân loại mới như Lyssenkov thay đổi lúa mì không? Hay cũng chỉ làm chậm lại sự phát hiện của lịch sử theo kiểu xưa Tần Thủy Hoàng?

Về mặt nhân loại thì sự thức tỉnh của con người cá nhân tại Nga Sô chứng tỏ nó không thể bị tiêu diệt, sự biến thể của xã hội Nga Sô là một bước tiến hữu khuynh để gặp những bước tiến tả khuynh khác đang xảy ra trong các quốc gia không cộng sản. Tương lai sẽ là nơi gặp gỡ của hai bước tiến ấy. Đồng thời nên phải lựa chọn giải pháp để xây dựng tương lai này, người ta sẽ không ngần ngại chọn giải pháp của Tây Đức thời hậu chiến: tiến bộ tối đa bằng tự do tối đa trong thời gian tối thiểu. Đó là sự thất bại của Cộng Sản mà thảm kịch đã được Henri Lefèvre đã tóm tắt như sau: « làm sao dung hòa được khát vọng tự do và phát triển con người với sự bắt buộc của thực tế ».

TRẦN THANH HIỆP

THÀNH TÂM TUYẾN

nghĩ về thành phố

1

Đối với tôi Huế không thân mật và gần gũi bằng Saigon hay Hà Nội. Tên thành phố ấy chẳng gây một âm vang, một mơ ước, một luyến tiếc nào, nó lẫn trong những tên gọi những nơi chốn khác như tên một người đàn bà biết đó nhưng không chú ý. Lần đầu tiên đặt chân đến Huế, đã ngoài hai mươi năm tôi chỉ là đứa nhỏ chừng mười tuổi. Chuyển xe hỏa chạy suốt từ Bắc vào Nam ghé một ngày ở Huế, chúng tôi ở ngay khách sạn trước nhà ga trong một gian buồng nhìn chếch xuống dòng nước nhỏ hẹp đục ngầu lặng lờ, hình như bấy giờ vào mùa khô ráo, tôi lầm tưởng là sông Hương. Đứa nhỏ chưa biết quan sát, nhận xét chỉ biết ghi nhận là thành phố này đông vui hơn—khi buổi trưa đi xe tay qua cầu Trường Tiền vào hiệu ăn trước cửa Thượng Tứ (nhớ thấp thoáng đâu đó một cây cổ thụ nhiều rễ với những người đàn bà mặc áo dài ngồi quanh, qua lại lạ mắt)—những nơi đã nghĩ lại trong những ngày trước là Thanh Hóa và Vinh, nhưng không thể đẹp bằng Hà Nội của nó.

Con sông Hương đưa bé nhìn từ cửa sổ khách sạn, hai tay bám lên thành đánh đu như bao nhiêu ngày đứng bám khuôn cửa sổ con tàu vùn vụt ngoài những giấc ngủ mệt, trong buổi trưa nắng tĩnh mịch không thể sánh với con sông Cầu của Bắc Ninh nơi nó vừa rời bỏ, chưa nói đến sông Hồng, Cái cổng thành cũ đến gần thấp, bé mất hết vẻ uy nghi huyền hoặc bị phố xá vây bọc, không thể bằng cái vòng thành cổ xa cách với nhà cửa bên ngoài cả một khoảng châu thành, một vòng hào rờ, đến bãi hoang cỏ may cao ngang đến đầu gối và một con đường—nhà một dãy châu mặt vào thành như ngấm nhìn cái hình tượng quá khứ một cách kinh cần.—những ngày trước đó nó còn vừa mới nhìn thấy. Sau này cộng thêm được một cảm giác mơ màng về buổi chiều trong thành phố im vắng chập choạng với những hàng cây và đóm lửa hiu hắt trên một con phố dài của Xuân Diệu trong « Phấn thông vàng » — *buổi chiều len chậm chậm vào trong hồn theo nơi hai con mắt*. Không kể những nghĩ tưởng chung được làm sẵn cho mọi người về Huế: cái đời sống hoàng phái sa đọa, bầu không khí ngột ngạt của thành kiến, những kiểu cách sinh hoạt lỗi thời, xứ của thơ và mộng, của nắng hàng cau thôn Vỹ Dạ, tiếng bát trên sông Hương, tiếng chuông chùa Linh Mụ, xứ của những thiếu nữ dễ thương và những thanh niên dễ ghét v.v..

Khi tôi trở lại Huế, hơn hai mươi năm sau, thành phố đang được mọi người chú ý theo dõi, đang gây những ngạc nhiên sôi nổi, quyến rũ với kẻ này và khiếp hãi với kẻ kia.

Đó là vào mùa xuân, một ngày tháng giêng. Trời

còn mưa bụi những cơn gió lạnh, một vài đợt nắng trên con đường vào thành phố chạy song song với mô đất Hương sắt đã lại bỏ không. Thành phố vẫn còn hương vì ngày Tết, nhất là trong Thành Nội: phố hẹp chỉ vừa một xe hơi vận tải, nhà một tầng trông thấy mái, cửa đóng kín, những bàn thờ khói hương, buổi trưa không bóng người, một mình trên những vỉa hè đất có trồng cây, có bờ, rộng gần bằng mặt đường trước những dãy nhà giống nhau ở cao trên một bậc thềm hay lùi sâu sau một hàng hiên trống với cột, buổi tối âm u đầy bóng cây và gió động, nghe tiếng hột súc sắc đổ lăn trong thành bát sứ vang từ đầu phố đến cuối phố.

Trong một tuần lễ ở Huế, hai ngày đầu ở trong Thành Nội tại gia đình một người bạn quen đồng hành, những ngày sau trong nhà lưu trú dành cho các sĩ quan công tác tại Đập Đá, tôi đã cố gắng tìm hiểu Huế ở ngoài những xúc động kỷ niệm. Sự trở mình của Huế từ 1963, lan truyền khắp các nơi đã là một sự kiện lịch sử mà tôi muốn trông rõ.

Ngôi nhà người bạn quen năm khuất trong một ngõ nhỏ như thôn quê. Đường ngõ vào cây cối rợp mát, sân rộng có cây kiềng và cây ăn trái nằm trong hàng rào, cây lá ngăn chia với nhà kế cận. Gian nhà chính nền đắp cao mái ngói vách ván đã cũ làm nơi thờ tự, chỗ tiếp khách, gian nhà ngang bằng gạch mới xây ngăn chia thành hai ba buồng; chỗ bày bàn ăn đặt gần bộ phận là nơi tụ họp quây quần gia đình buổi tối. Buổi trưa nằm nghỉ trên bộ phận kê bên cửa sổ của gian chính nhìn cái ánh sáng âm u trên trang thờ đặt cao, bộ bàn ghế mộc kiểu cổ với tấm tích khay chén đặt ngay giữa nhà, nghe gió lạnh lùa

ngoài vừa qua các kẻ ván, những tiếng động dè dặt của người trong nhà, tôi tưởng chừng sống lui lại tuổi ấu thơ. Trái lại, tòa nhà lưu trú ở Đập Đá là một công trình kiến trúc mới mẻ nằm lượn vòng cung theo bờ sông Hương, lối kiến trúc bằng *Léon* và kính không có cột, tất cả là một khối. Tòa nhà có ba tầng: tầng dưới là một phòng gương lớn, ngoài phòng gương ấy là sân lộ thiên, sát bờ sông, dưới sân có những hồ xây hình con sò chiếm lấy một khoảng sông làm hồ nước riêng; hai tầng trên là phòng ngủ tiện nghi như một khách sạn Tây Phương; chiều dài của phòng trông ra trời bằng kính có những tấm màn dạ đỏ nếu cần để ngăn nắng, bên ngoài cửa kính là bao lơn hẹp chỉ kê vừa chiếc ghế ngồi không thể ruỗi chân.

Chính từ trên gian phòng dài trần trụi và có đơn của nơi trú ngụ sau này trên cái bao lơn chật hẹp được đặt ra vì ý nghĩa tiện dụng nào đó không phải để đứng hay ngồi ngắm cảnh (trong cái đời sống thể hiện trong lối kiến trúc này thì cảnh vật thiên nhiên và cả thế giới bên ngoài sẽ được mang vào đến tận trong phòng bằng các phương tiện khoa học), tôi có được một tầm nhìn rộng bao quát. Tôi nhìn thấy cầu Tràng Tiền, xa hơn là cầu Bạch Hổ, xa hơn nữa là bóng núi mờ trong đêm sáng trăng và những đốm lửa hỏa châu, giòng sông Hương lặng lẽ với những đám thuyền sò dạt về bên tả ngạn, con phố Trần Hưng Đạo lấp lánh ánh đèn đông đúc rớt vào thâm u của hàng tường thành trước bến Thương Bạc, con phố Lê Lợi mờ màng trầm lặng trong những hàng cây... tôi nhìn Huế không bằng cặp mắt của du khách, tôi nhìn như nhìn chính mình, nhìn những chặng đời

đã vượt qua từ ngày ghé xuống thành phố ấy còn là đứa nhỏ.

Tôi là đứa con của các thành phố, thành phố soi chiếu vào tôi và tôi nhìn nó như đứng trước tấm gương.

II

Chỗ tôi ngồi như nhô ra trên mặt nước sông Hương, tôi tưởng ngồi giữa sông, hai bên bờ là thành phố Huế. Thành phố chia hai. Huế không là một thành phố, đó là hai thành phố đầu mặt đối nghịch nhau cách một giòng sông. Tất cả những thành phố có sông chảy qua đều chia hai, nhưng sự chia hai của chúng là do nơi vận động phát triển nội tại — những thành phố kỹ nghệ Âu Châu chẳng hạn —: những phần tử của một toàn thể thống nhất (khu vực kỹ nghệ, khu vực hành chánh, khu vực thợ thuyền và khu vực trường giả, thành phố cao và thành phố thấp) như ánh sáng và bóng tối của một tiến trình xã hội. Thành phố của chúng ta không như vậy, sự chia hai là một phân ly, một đoạn tuyệt, nhất là Huế, Huế trong sự bất động triển miên của nó về trước ghi khắc rõ ràng trên hình thể vết thương tâm của lịch sử.

Saigon không thể, Hà Nội trước kia cũng không thể. Saigòn thì hiển nhiên quá, Saigòn là hải cảng, chủ nghĩa tư bản đặt bước lên đây đầu tiên, thành phố được dựng trên một mảnh đất ít di tích quá khứ, phát triển theo cùng với công cuộc khai thác thuộc địa. Còn Hà Nội tuy vẫn lưu giữ đầy rẫy những dấu vết quá khứ nhưng những dấu vết ấy lẫn nhập vào trong kiến trúc

(Tiếp theo trang 114)

một vấn đề trọng yếu vấn đề văn hóa

Ý KIẾN CỦA

- NHẠC SĨ NGUYỄN PHỤNG
- NHẠC SĨ LÊ THUƠNG

Xin nhắc lại hai câu hỏi của Nguyệt San Văn đề nêu lên trong loạt bài phỏng vấn về Văn đề văn hóa.

— Nhận định và hiện trạng sinh hoạt văn hóa miền Nam.

— Ý kiến xây dựng và phát triển văn hóa miền Nam.

VẤN ĐỀ

- NHẠC SĨ NGUYỄN PHỤNG :

Trước hết tôi có thể nói rằng không một ai có đủ chút ý thức về văn hóa nước nhà trong vòng mười mấy năm độc lập đến nay mà không âm thầm tủi thẹn nếu không nói là nản lòng, bi quan. Mười năm về trước trong giai đoạn bước đầu độc lập thì người ta còn sống trong

niềm hy vọng, tin tưởng (riêng tôi thì cái niềm tin tưởng và hy vọng đó chỉ sống được non một có 3 năm đầu, đó là 1955-1956-1957) còn nói đến hiện trạng thì thật là bi đát. Tình trạng bi đát đó khiến cho đa số người cam chịu sống trong sự chờ đợi, mong mỗi tim một ánh sáng cho tương lai. Có người viện lẽ chiến tranh hay trên một phương diện nào khác nữa để bào chữa cho cái tình trạng bi đát đó hoặc để tự an ủi mình một phần nào, nhưng nếu lấy tình thật ý ngay mà nói và nếu hiểu Văn hóa theo nghĩa bao quát của nó thì từ một khía cạnh âm nhạc nhỏ bé của tôi, tôi có thể nói rằng hầu hết sinh hoạt văn hóa của ta đều mắc phải cái căn bệnh do thời chiến tạo nên : cái căn bệnh đó tôi tạm cho cái tên là « Bệnh mặc cảm vật chất » phát xuất từ hai con vi trùng « Tiền » và « Tham vọng » với mọi ảnh hưởng xấu xa của nó. Cũng chính cái « mặc cảm vật chất » đó đã chi phối và đảo lộn văn hóa từ lâu nay trên hầu hết mọi lãnh vực.

Tóm lại hiện trạng của nền Văn hóa ở nước ta có thể ví như một mảnh áo bị vá váu bởi những vết đạn chiến tranh và sự tàn phá của các vi trùng thuộc căn bệnh mặc cảm mà tôi vừa nói đó. Trong khi « tiền » có, « nhân lực » có, sự hỗ trợ của bạn cũng có, thế thì tại sao ta không làm được ? Tôi xin đáp ngay là vì « thiếu tinh thần », thiếu sự thống nhất trong mọi tổ chức và nhất là thiếu cán bộ.

— Muốn cứu vãn tình trạng bi đát đó, và đề cho thực tế hơn, tôi xin đặt lại mấy câu hỏi sau đây để mọi người chúng ta có thể suy nghiệm :

— Từ ngày độc lập cho đến nay, nước ta đã có một chánh sách văn hóa thật sự chưa ?

— Nền kinh tế của ta từ trước đến nay có lúc nào được «tạm» gọi là ổn chưa?

— Xã hội của ta đã thoát khỏi thất sự cảnh hỗn độn do chiến tranh và tinh thần kém mở mang chủ động chưa?

— Xây dựng và phát huy nền văn hóa của ta được hay không trước hết là do 3 yếu tố ảnh hưởng được nêu trong 3 câu hỏi đó.

Trong hiện trạng, ta có thể làm gì được?

Tôi xin quả quyết là mặc dầu chiến tranh hay gì gì đi nữa ta cũng có thể làm được nếu không nhiều thì ít nhưng cái phần nào được thì phải cho bền vững và được tiếp tục phát triển theo một đường lối có hoạch định.

Riêng vấn đề văn nghệ, nhất là âm nhạc, kịch nghệ hay mỹ thuật nói chung, tôi xin hoãn câu đáp lại cho một dịp khác. Thực tế hơn nữa, ta nên chờ khi nào hoàn cảnh sinh hoạt văn nghệ có cơ thể thuận tiện hơn, thiết tưởng chừng đó ta sẽ bày tỏ ý kiến xây dựng và phát huy nó cũng không muộn. Vì trong hiện tại (phải nói từ trước cho đến nay thì đúng hơn) từ cơ cấu tổ chức cho đến công việc làm của hầu hết các lãnh vực đều sống và viu trong cảnh trạng xoàng xĩnh, đôi khi rỗng tuếch như «con ốc mượn hồn». Như vậy, tôi thấy có nói ra cái lợi ích thiết thực mấy đi nữa cũng chẳng thu hoạch được gì.

Đôi khi người ta quên là một khả năng mà vô thẩm quyền thì cũng bất lực như một thẩm quyền bất khả

năng trong cái thời buổi mà thẩm quyền thì thừa trong khi tinh thần và khả năng thì lại quá hiếm, do vậy mà ta chưa thoát khỏi cái ách nô lệ thành kiến hẹp hòi và tinh kém mở mang trên mọi lãnh vực sinh hoạt tinh thần cũng như vật chất.

● NHẠC SĨ LÊ THƯƠNG :

Hiện tình văn hóa ra sao? Phải xây dựng văn hóa như thế nào?

Thật là mệnh mông và khó giải.

Mà hình như đã có nhiều nhà văn hóa chuyên môn có thì giờ mở xẻ từ lâu, trên bao trang dài giấy rộng rồi. Mặc dầu họ có đề nghị trăm phương nghìn kế cũng ít thấy ai theo.

Còn người có phận sự xây dựng văn hóa mà có lương cao, bằng cấp lớn thì cũng đông đảo.

Chẳng nên múa lười lên mặt thầy với họ!



Song, nghĩ rằng ta đang sống một thời giao động mãnh liệt, trong đó các giá trị tinh thần như vật chất đang được đặt lại toi bời, có lẽ mỗi người VN cũng phải ý thức được một cái gì xây dựng cho chính mình rồi cho kẻ khác sau, ý thức ấy trong tôi là một sự hoang mang vô bờ bến, kết lại thành một cục rối bời như thời cuộc quốc tế và quốc nội.

Đề cho nó «trung-thực» xin cứ bày giải trên dòng bút.



Trước đây ta có quan niệm «truyền tử lưu tôn» trong văn hóa, quan niệm ấy là của chung cho các dân tộc miền gió nồm này.

Ngày nay hình như ta đang khao khát tự tồn và cố gắng khắc phục các khó khăn để mà sống sót.

Tội nghiệp và anh dũng thay cho cái quan niệm của một dân tộc đã mất thế thăng bằng trong địa lý từ hơn 300 năm nay (cuối đời Hậu Lê, kể từ Trịnh Nguyễn phân tranh) và dần dần tạo nên 3 địa phương tính kếch sù là Nam, Trung, Bắc, 3 địa phương tính còn có thể chia ra vài mảnh nhỏ nữa trong ngôn ngữ, phong tục, tôn giáo vân vân...

Đời nay còn đồ thêm vào đầu dân Việt khá nhiều lý tưởng chánh trị, xã hội làm như cái dân nhỏ bé và ớt hạt tiêu đã khá phân hóa ấy còn đủ dũng cảm để tiêu thụ nhiều món ác độc hơn nữa!

Hay là «bao tử» người Giao Chỉ qua một lịch sử gọi là 4 ngàn năm văn-hiến (trong đó chỉ có độ khoảng ngàn năm phồn thịnh với mấy đời Lý, Trần, đầu đời Hậu Lê, khoảng 60 năm đầu đời Nguyễn) đã mặc nhiên trở thành quán quân về môn tiêu-hóa các hàng nhập cảng ngoại lai rồi?

Ta thích hơn nhiều dân tộc khác, cái lối nói tự mãn là đã «đồng hóa được các ảnh hưởng văn chương, nghệ thuật bên ngoài vào để làm của mình». Hay ho đấy!

Nhưng nếu bình tĩnh mà trả lại cho César cái gì của hắn thì cũng nên nở nụ cười thể thao mà tự khuyên là: giá mà tự sáng tác lấy, thật khác người, thì vẫn hơn.

Trong văn nghệ—chỉ trong nội âm nhạc, kịch trường và văn chương—hầu như phần vay mượn không trả lãi của Âu Mỹ hoặc Ấn Độ, Trung Hoa, Nhật Bản cũng khá bộn nhưng rất nhiều khi không khai báo xuất xứ cho quan thuế.

Chủ nghĩa «lìm đi» ấy trong văn nghệ trở nên du dương «bất khuất» khi con người nhờ nó mà kiếm ra tiền nuôi vợ con hay dớp hìt. Việc này trở thành một sự thiêng liêng và bất khả kháng từ lâu rồi.

Chúng ta không hề kém tài mô phỏng, trái lại hơn người ở chỗ đó nữa, nhưng dân tộc ta quá bận rộn về sự sống lại phải tranh đấu hằng ngàn năm với một thiên nhiên bất lợi, (một địa lý dòn gánh mà lại uốn éo chữ S) với một lịch sử thăng trầm trong đó khối Bắc Phương với binh đao rơi vọt vẫn là cái nạn truyền kiếp một cơn ác mộng muôn đời, nhưng lại là thầy cũ mà theo nghĩa sư đệ của cụ Khổng, phải tỏ một sự biết ơn gì mới là phải đạo.

Ngày nay, xài đồ Mỹ, ăn gạo Mỹ ta vẫn thích chê cái vị nó thối này, cái mùi nó thối nọ và lâu lâu dở một bữa mới chửi đời một cách toang toác vì vu đề bẻ bẻ thấy mình hãy còn bất khuất—(trừ phi sau lúc hống hách ở văn-phòng hay ngoài xã hội, lúc về nhà thì ngán chửi chà của vợ).

Ít nữa là phải khen chúng ta vẫn sống trong các mâu thuẫn nội bộ toi bời, khó giải quyết mà chung qui vẫn phây phây với đời. Cái nụ cười phây phây này làm cho Mỹ cũng phải ngạc-nhiên thần phục, làm cho Nhật cũng phải nhui mắt khen hay, cho Trung Cộng phải bầm bụng đợi vật ngã ta keo khác (còn lâu) cho Ấn Độ phải bắt đầu khen thăm, cho cụ Đờ Gôn phải tiếc rẻ

chưa được ôm lại ta mà xiết cho tình thân mật, cho Lào, Miên gọi ta là « đại ca anh dũng ».

Hầu như ta đã coi các mâu thuẫn như việc dĩ nhiên nên ta chẳng lấy gì làm lạ khi thấy dân Quốc Gia thì vẫn chủ trương tinh thần, duy tâm nhưng chỉ sống bằng tiền, tiền, vật chất, còn dân CS thì chủ trương duy vật nhưng chỉ được sống bằng tinh thần, bằng lời hứa tương lai (ý này đã nhiều người nói).

Cái mơ đời của dân Việt ngày nay có lẽ đang ngập lụt văn hóa, nhất là các đô thị đông người và các thôn quê hẻo lánh. Tại đời nơi, dân Việt khổ sở được rí tai là phải chửi nhau cho đến mãn kiếp, phải xoi nhau cho đến người Việt cuối cùng trong khi chỉ cần vài chục năm yên tĩnh để hàn gắn tạm, trồng cây, trồng lúa lên mà ngồi thở rồi dẹp bớt đi cái mộng cách mạng thế giới thế giết khi mà mấy trăm ngàn cây số vuông của mình còn bẽ bộn rác rến đủ đều.

Nhưng ở khía cạnh này, có lẽ phải có 50 năm cách miêng rồi mới dám « xét lại ».

À, đến đây tôi hết muốn cười, cũng chẳng thém than khóc mà chỉ ước ao có « quả báo » thật sự cho tất cả dân cả mạt trên toàn cõi S. Xin Trời đánh chết, nếu pháp luật còn trì hoãn để xem xét từ kẻ tọc khe tơ, các gian thương cỡ nặng, các tui tham không đáy cỡ gộc đồng lửa với các thứ thù từ đô thị đến thôn quê được sạch rác rến, cho không khí nhiễm ít nhiều ca nhạc trẻ em.

☆

Trời dần dần sáng... tiệc liên hoan để lại cặn

bã trên đĩa vỡ, trên bàn tiệc, chỉ còn một bình cà phê đắng nguội lạnh không người nào uống.

Tôi đã nói gì về văn hóa ?

Tôi chẳng nói được gì mà chỉ tỏ một nỗi lòng trong muôn một.

Xin lỗi các bạn, tôi đã đùa cười trên xác chết nằm bên hai vệ đường, đã dùng phiến đá mộ chi của mấy người mà làm bàn ăn tiệc.

Không, đó là một vài tiếng khóc cho số mạng muôn người còn phải chết mà không biết vì lý do thực sự nào, vì hạnh phúc nào. Tay họ còn quắp lại như muốn níu lấy kẻ qua đường mà hỏi tại sao tôi đã chết khi các anh chỉ cần bỏ bớt hận thù nắm lấy tay nhau để xây lại cái nước khốn nạn và đau khổ này ?

Ta vẫn còn cách rửa nước mắt vô hình trên thế sự khi suy nghĩ rằng : Con cá lớn ăn con cá nhỏ ; con cá nhỏ ăn con sâu con bọ ; con sâu con bọ ăn các côn trùng, vì nếu chúng không ăn lẫn nhau thì thế giới sẽ tràn ngập những trùng, sâu, cá bọ !

Một luật đạo thái vô cùng phức tạp, một lẽ sinh tồn đẫm máu mà các vị thánh hiền vẫn nao nức giải thoát cho trần gian.

Nhưng...

Mọi sự đều có một cuối cùng ; rồi chúng ta cũng thấm mệt sau khi làm mệt thiên hạ, mà vợ đại lấy hòa bình như ôm người vợ có nghĩa, đã 6 mặt con tuy không đẹp là bao, nhưng tạo ra hoài hũy cơn lạnh canh ngọt.

Hòa Bình có trở lại, chúng ta mới đủ bình tĩnh mà xây dựng Văn hóa thật sự, không phải các chuyện hình thức «láo nháo như cháo với cơm».

bài ca khóc **Ignacio Sánchez Mejías**

Federico García Lorca (1899-1936) là một thi sĩ - trữ tình và anh hùng ca lớn nhất của Tây ban Nha hiện đại. Thơ của Federico García không có những kỹ thuật khúc mắc và những hình ảnh tàn bạo của trường siêu thực mà từ đó hầu hết những thi sĩ đồng thời đều xuất thân, nhưng nó là những khúc ca dao tưởng như đã được truyền khẩu từ muôn đời, tưởng như đã tự bao giờ nằm sẵn trong trái tim mỗi người dân Tây ban Nha. Nó đơn giản như hơi thở, như cánh chim, như sợi mây, như ngọn gió. Nó là hoa, là cỏ, là không gian, là màu sắc, là hương vị thơm tho và những hình ảnh nhiệm mầu rực rỡ.

Ngoài tác giả những tập thơ mà mọi tầng lớp dân gian Tây ban Nha đều thuộc lòng (Libro de Poemas, Romancero Gitano, Cante Jondo), người thi sĩ martyr đầu tiên của nền Cộng Hòa Tây ban Nha đó còn là một kịch gia nổi tiếng trên khắp mọi sân khấu thế giới nhất là ở Châu Mỹ La Tinh (Đám Cưới Máu, Yerma, Cỏ Nhà của Bernada Alba).

Bài thơ dưới đây Federico viết đề khóc Ignacio Sánchez Mejías, một torero nổi tiếng hồi đó ở Tây ban Nha và là bạn thân của ông và của một văn nghệ sĩ Madrid, nhân cái chết thảm của người đấu bò dũng cảm đó trên đấu trường Madrid tháng 8-1935. Hay chính nó là những lời than van tiên cảm của poète assassiné đúng một năm sau đó?

NGƯỜI DỊCH

COGIDA * VÀ SỰ CHẾT

Lúc năm giờ chiều.

Lúc năm giờ chiều đúng.

Một thằng nhỏ mang tới tấm vải trắng

lúc năm giờ chiều.

Một thùng vôi trắng đã sắp sẵn

lúc năm giờ chiều.

Còn lại là sự chết và chỉ là sự chết

lúc năm giờ chiều.

Giò thổi bay đi những sợi bông

lúc năm giờ chiều.

Và ốc-xít rắc rải thủy tinh và kèn

lúc năm giờ chiều.

Giờ đang vật lộn con chim bồ câu và con báo

lúc năm giờ chiều.

Và một bắp đùi với một sừng hoang vắng

lúc năm giờ chiều.

Khỏi sự dàn hợp xướng giáo đường

lúc năm giờ chiều.

Những hồi chuông tin thạch và khói sương

lúc năm giờ chiều.

Ở mọi đầu phố những đám đông nín lặng

lúc năm giờ chiều.

* Cogida tả tình trạng, lúc người đấu bò bị bỏ rừng tung bồng lên trời.

lúc năm giờ chiều.

Con bò thể giới xưa
thè dài chiếc lưỡi buồn
liếm mồm đầy máu

chảy loang trên đấu trường,
và những con bò rừng Guisando,
nửa như chết nửa như đá,
rống lên như hai thế kỷ
chán chường chân dậm đất.

Không.

Tôi không muốn nhìn thấy nó !

Ignacio bước lên từng bậc thang
với tất cả nỗi chết trên đôi vai.
Chàng đi kiếm Bình minh,
nhưng bình minh không có ở đó.
Chàng đi kiếm vẻ mặt nghiêng kiêu diễm,
nhưng giấc mơ dẫn chàng lạc lối.
Chàng đi kiếm vóc dáng anh hùng của chàng
và thấy máu chàng mở ra.
Đừng bảo tôi nhìn nó !

Tôi không muốn nghe tiếng máu phun
từng lần từng lần dưới sức ;
dòng máu phun soi sáng
khán đài và rơi xuống
trên nhung lụa và thịt da
những đám đông thêm khát.
Ai gọi tôi ra nhìn ?
Đừng bảo tôi nhìn nó !

Đôi mắt chàng không nhắm lại
khi thấy đôi sừng tôi gần,

nhưng những bà mẹ kinh hoàng
vụt ngẩng đầu lên.

Và phả ngang qua khán đài,
nổi lên một ngọn gió những tiếng nói thầm thì.
những đoàn mục tử mây mù khói nhạt
gọi về những con bò rừng thiên thần.
Không một hoàng tử nào ở Sevilla
có thể sánh được với chàng,
không lưỡi gươm nào ngang lưỡi gươm chàng
không trái tim nào ngang trung thực.
Như một giòng sông sư tử
sức mạnh chàng tuyệt vời ;
và như tượng bán thân cầm thạch
sự khôn ngoan chàng chơi đùa.
Phong độ thành La Mã andaluza
rực rỡ hào quang vây quanh đầu
ở đó nụ cười là cam tùng hương
ý nhị và thông minh.

Ô người đấu bò vĩ đại trên đấu trường !
Ô người sơn cước bình dị trên miền sơn cước !
Ô con người hiền lành với lúa !
Ô con người dũng mãnh với mác !
Và êm ái với giọt sương mai !
Và sáng ngời trong ngày hội !
Và ôi đáng sợ với những cây thương
cuối cùng của bóng tối !

Nhưng thôi rồi chàng đã ngủ giấc vô cùng.

Và những loài rêu hoang cỏ lạ
 đã mở ra với những ngón tay vững chắc
 đóa hoa đầu lâu chàng.
 Và máu chàng chảy ra ca hát :
 ca hát qua ao hồ qua đồng cỏ,
 trườn mình trên những cặp sừng lạnh giá,
 chấp chớn không hồn trên mây mù xanh,
 loạng choạng dưới hàng ngàn bước chân loài dã thú
 như một chiếc lưới dài, đen, buồn
 biến thành một vũng hấp hối
 bên cạnh những vì sao Guadalquivir.
 Ôi bức tường trắng Tây-ban-nha !
 Ôi con bò rừng đen niềng đau khổ !
 Ôi dòng máu cứng của Ignacio !
 Ôi những ống máu loài chim họa mi của chàng !
 Không.
 Tôi không muốn nhìn thấy nó !
 Bởi không lý nào dựng được nó,
 không loài nhạn nào uống được nó,
 không sương giá chói chang nào làm lạnh được nó,
 không bài ca không thác mưa huệ trắng,
 không thủy tinh nào che phủ được nó bằng bạc.
 Không.
 Tôi không muốn nhìn thấy nó ! !

3

THẺ XÁC CON ĐAY

Phiến đá là một vầng trán nơi những giấc mơ hiền
 than thở
 không một dòng nước uốn quanh và những cây tùng
 bách giá băng.

Phiến đá là một cánh vai trần để chờ đi thời gian
 với những cây nước mắt và những giải băng và những
 tinh cầu.

Tôi đã thấy những trận mưa xám chạy theo những đợt
 sóng,

giơ cao lên những cánh tay ngọt ngào và lỗ chỗ,
 để không cho phiến đá nằm duỗi dài với được, phiến
 đá chặt chân tay ra từng mảnh mà không thềm hút máu.

Bởi phiến đá đi lượm những hạt giống và những sợi
 mây, những bộ xương loài chim sáo và những loài sói
 đi ăn chiều, nhưng không thốt một lời, không thủy tinh
 không lửa nóng, nếu không chỉ là những dấu trường,
 dấu trường lại dấu trường không tường che.

Và nằm trên phiến đá kia giờ đây là Ignacio, người hùng.
 Thời đã hết ; gì đó ? Hãy ngó kỹ mặt chàng :
 thần chết đã phủ lên mặt những diêm sinh xám ngắt
 và đầu chàng đã hóa thành một con quỉ đen đầu trâu.

Thời đã hết. Mưa lọt vào miệng chàng.

Khí trời, như một kẻ điên, bỏ trốn khỏi lồng ngực lép,

và Tình Yêu, rũ rượi những giọt lệ hóa băng,
đi sưởi ấm trên những đỉnh rừng bò rừng.

Chúng tôi chi ? Một niềm cảm nín thối hoàng yên nghĩ,
Thề xác còn đây ta ở cạnh nhưng đang biến dần đi,
với một dáng hình rực rỡ chìm họa mi
và ta thấy đang lấp đầy bằng những lỗ thủng không đáy.

Ai vò nát chiếc khăn liệm ? Không, nó nói không đúng !
Nơi đây không kẻ nào ca, không kẻ nào khóc trong
một góc.

chẳng ai đâm giáo, chẳng ai nạt nộ con rắn :
Nơi đây tôi không muốn gì hơn những đôi mắt mở tròn
để ngắm nhìn một thề xác không hề an nghỉ.

Nơi đây tôi muốn gặp những con người giọng nói vạm
vỡ.

Những kẻ khuất phục ngựa hoang và chế ngự dòng sông:
những kẻ cò bộ xương vang dội như sấm và ca hát
với trong mầm sắc súa mặt trời và đá lửa.

Nơi đây tôi muốn nhìn thấy họ. Đứng trước phiến đá.
Đứng trước thề xác kia giờ đã đứt giây cương.
Tôi muốn họ chỉ cho tôi con đường nào ra thoát
cho vị tướng sùỵ kia mà chân tay thần chết trói buộc.

Tôi muốn họ chỉ cho tôi những giọt lệ nào như một dòng
sông có những sợi mây hiền lành và những bến bờ sâu
thẳm, để ẩm di thề xác Ignacio và để chàng chìm
xuống không còn nghe bèn tại những hơi thở trùng
điệp của bò rừng.

Đề xác chàng chìm sâu vào dấu trường tròn của vầng
trăng
người con gái nhỏ giả bộ làm con bò rừng yên
lặng trầm buồn :
đề xác chàng chìm sâu vào đêm khuya không tiếng ca
loài cá và trong những bụi cây trắng xóm sương mù
băng giá

Tôi không muốn chúng phủ lên mặt chàng những
khăn tay
bởi chàng sẽ quen đi với nỗi chết chàng mang theo.
Thôi, hãy đi đi, Ignacio : đừng nghe thấy nữa tiếng
rống nóng ran.

Hãy ngủ, hãy bay xa, hãy an nghỉ : bên kia cũng còn
lặng hướng hồ !

4

LINH HỒN VẮNG MẶT

Con bò rừng không biết đến anh và cả cây và ngọt,
cả những con ngựa cả những con kiến nơi anh ở.
Đứa bé con không biết đến anh và cả buổi chiều
bởi anh đã chết đi mãi mãi.

Lưng phiến đá không biết đến anh,
cả đến tấm nhung đen ôm bọc thân anh ngã gục.
Trí nhớ nín cảm của anh không biết đến anh
bởi anh đã chết đi mãi mãi.

Mùa thu rồi sẽ đến với những con xên trắng nhỏ,

những chùm nho sương và những ngọn đồi trùng điệp,
nhưng chẳng ai muốn ngó nhìn đôi mắt anh
bởi anh đã chết đi mãi mãi.

Bởi anh đã chết đi mãi mãi,
như tất cả như kẻ chết đi trên đời,
như tất cả những kẻ chết đi bị lãng quên
trong một đồng thịt loài chó chết.

Chẳng ai biết đến anh. Không. Nhưng tôi hát về anh.
Tôi hát cho đời sau nghe về nét mặt nghiêng và về
kiểu điếm

Về trí tuệ anh đã trưởng thành rực rỡ.
Về nỗi thèm chết của anh và hương vị trong mồm nó.
Và nỗi đau buồn ần ỉn sau niềm vui dửng dưng.

Sẽ còn lâu rất lâu mới sinh ra đời, nếu có,
một người andaluz hào sảng và giàu phiêu lưu dường ấy
Tôi ngợi ca nét thanh cao của chàng bằng những lời
than thở
và nhớ đến ngọn gió buồn trong những rặng ô-liu.

Federico García Lorca

Thạch Chương dịch

NGUYỄN SỸ TẾ

nghệ thuật và phê bình

KHÔNG AI phủ nhận thực trạng thấp kém của nghệ thuật cũng như phê bình ở nước nhà từ khá lâu nay. Người ta đưa ra những nguyên nhân giải thích: sự bế tắc của nền văn nghệ tiền chiến, những biến động lịch sử dồn dập sau năm 1945, chiến tranh hiện tại, sự nghèo khổ, sự chỉ huy, sự kìm hãm... Trong khi đó, giáo dục nghệ thuật trước sau vẫn dửng như không có. Kết quả là người ta thấy vắng thiếu những nhà sáng tác và phê bình chuyên nghiệp, những nhà văn học và nghệ thuật đích danh. Một số ít, về lâu, cũng sinh ra chán nản vì thấm mệt.

NGẮM NHÌN trở lại lịch sử văn học và nghệ thuật thế giới, — điển hình Hy Lạp và Trung Hoa, — người ta thêm thuồng cái cảnh xum vầy hòa hợp giữa mọi khu vực của kiến thức và tác tạo mà mục đích duy nhất chỉ là xóa bỏ cái biên cương ngăn chia con người với tha nhân và ngoại giới. Lúc đó, nghệ thuật cứ ung dung đi con đường của nó. Để rồi tới lúc những công trình

của nó đã bắt đầu bề bộn thì phê bình xuất hiện với đối tượng rất nghiêm minh là « quy luật hóa những công trình nghệ thuật đã có và vẫn còn, tìm mẫu số chung, định hướng tổng quát dạy người mới vào nghề, giúp công chúng thưởng thức, thiên tài phát triển, nghệ thuật suy nghĩ lại chính nó ».

THẾ RỒI dân biển xảy ra, con người bước vào những thời đại mới, sự phân nhiệm ban đầu giữa nghệ thuật và phê bình biến thành sự phân-hóa lỗi cả về phía hai bên và xung khắc tất yếu được ghi nhận. Nếu bên này nói « phê bình thì dễ, nghệ thuật mới khó » thì bên kia cũng nói « nghệ thuật thì dễ, phê bình mới khó ».

TA PHẢI làm thế nào để cho xung khắc trên đây là dấu hiệu của một hòa hợp tiến bộ trong tương lai? Bài viết này xin mang bản chất của một mẫu « phương pháp luận và tri thức luận » để góp công vào sự hòa giải đó, hơn thế nữa vào sự đồng tâm hiệp lực giữa sáng tạo và phê phán trên nền tảng của những nguyên tắc triết học « độc lập ý chí » và « hòa nhi bất đồng ». Ta hãy suy nghĩ lại nghệ thuật và phê bình. Tương quan giữa hai công tác, hai chức vụ văn học sẽ kết định từ đó.

NGÔN NGỮ hằng xử dụng cho ta biết gì về danh từ « nghệ thuật » trong tư tưởng của con người? Người ta đã nhắc nhở mãi rằng là cái đẹp, cái khéo, cái có ích, cái thiện, cái chân... Rằng nghệ thuật nằm trong thiên nhiên, nơi lòng người... Rằng nghệ thuật là sự phát hiện, sự chinh phục, sự chối từ... Rằng nghệ thuật gây tình

yêu, khoái lạc, cảm phục... Rằng nghệ thuật là sự quân bình, sự điều hòa, sự vững chãi... Rằng nghệ thuật là vấn đề thị hiếu sao cho cái đồ sộ, cái nhỏ bé, cái cao xa, cái tầm thường, cái rực rỡ, cái xấu bản..., đặt cho đúng lúc và đúng nơi. Còn nhiều nữa. Đó là ngôn ngữ của triết học và của thẩm mỹ học.

Ở MỘT chỗ khác, có một sự gặp gỡ đầy ý nghĩa giữa Đông phương và Tây phương cổ thời nhà cái gốc gác của danh từ nghệ thuật là tinh thần thực tiễn của nó. Nghệ thuật rút về những cái « nghề » và nó là cái « thuật » để thành công trong nghề, lo toan cứu cánh xã hội, có khi bất chấp cả cái cứu cách đạo đức của nghề. Nhấn mạnh vào sự thành công đó, người ta không ngại ngần nói : nghệ thuật chữa bệnh, nghệ thuật đấu võ, nghệ thuật nấu bếp, nghệ thuật chiến tranh, nghệ thuật giết người... Và để tiến tới sự thành công đó, nghệ thuật phải biết sắp sẵn những phương tiện, những đường lối, những kế hoạch... Nghệ thuật biến thành chính sách, kỹ thuật rồi cũng như triết học nó lao đầu vào khắp mọi lãnh vực để nói lên một khía cạnh nào đó của mỗi lãnh vực trong nhịp độ phồn thịnh hay quay cuồng của ngôn ngữ.

ÍT NHẤT cái phồn thịnh của ngôn ngữ này cũng nói lên được vài điều thiết yếu của nghệ thuật mà ta sẽ lợi dụng ở những đoạn sau : nghệ thuật là một sự kiện của con người trong cái khát vọng bội nhân chính mình, trong nỗ lực sáng tạo những gì làm cho êm đẹp cuộc sống của nó.

TA HÃY trở về với phạm vi đích thực của nghệ thuật, phạm vi đã được phân chia thành những bộ môn của nó : văn chương, hội họa, âm nhạc, kiến trúc...

SỰ HIỆN diện của khoa phê bình không khỏi làm người ta bối rối ít nhiều. Đối với những công trình nghệ thuật đã có, người ta bảo khoa phê bình là vô ích. Đối với những công trình chưa ra đời thì phê bình lại chẳng thanh vấn đề. Tôi nghĩ đó là điều khiến ta phải phân chia nghệ thuật ra làm hai loại : thứ nghệ thuật đã thành và thứ nghệ thuật còn đang tìm đường thể hiện.

VỚI THỨ nghệ thuật đã thể hiện rồi, một yếu tố lớn lao giúp sức nhà phê bình, đó là sự thử thách của thời gian. Nhà phê bình phải nhìn cho đúng sự thử thách đó và công tác « quy luật hóa » của mình phải được thực hiện bằng kinh nghiệm phong phú, đối chiếu tỉ mỉ, phân tích sâu xa trong khuôn khổ của một hệ thống nhận thức đã được thử thách và áp dụng một cách chính xác. Nhiệm vụ phê bình đâu có dễ và kém phần quan trọng ? Người ta lại có thể bảo rằng với sự thử thách của thời gian công trình nghệ thuật tự chứng thực cho nó, hay nói theo kiểu Th. T., nghệ thuật đã giải quyết những vấn đề của nó rồi. Suy nghĩ lại ta sẽ thấy tầm mức quan trọng của phê bình đứng về phía triết học và thẩm mỹ. Cái « văn phạm nghệ thuật » của nhà phê bình cũng cần thiết như cái « văn phạm ngôn ngữ » của nhà ngữ học. Bảo rằng nghệ thuật đã giải quyết những vấn đề của nó, nhưng đó mới là cho nó mà chưa phải cho ta. Vẫn bạn nghệ sĩ trên nói vui đùa với tôi rằng : Muốn nhìn nghệ thuật cho khác đi thì chỉ có một cách là chữa mắt, chữa tai, chữa giác quan của ta cho khác đi. Lời nói cũng có một phần chân lý ở cái phương thể thí nghiệm giác quan của nghệ thuật trong cả hai khía cạnh sáng tạo và thưởng thức—nhất là trong phạm vi của một số bộ môn nghệ thuật có liên

quan nhiều đến giác quan như hội họa và âm nhạc. Nhưng lại có một chân lý sâu xa hơn là : nếu giác quan con người chẳng đổi thay thì trái lại ý thức con người lại chuyển biến có khi mau lẹ vô cùng. Và chính ý thức mới nắm vai trò chủ động là dành cho ngoại giới những ý nghĩa trong cái tương quan hiện tượng luận mà ta phải chấp nhận (ý thức : tương quan bản ngã — ngoại giới). Cho nên tôi thấy nghệ sĩ có thể đánh lừa con mắt nhưng không thể đánh lừa ý thức của người thưởng ngoạn. Nhìn chung ý thức con người ngày nay đã khác xa người xưa ở rất nhiều tuổi văn minh, khoa học, kỹ thuật... Tốt hay xấu không thanh vấn đề, chỉ biết con người ngày nay đã lớn mạnh gấp bội ở những khả năng và khí cụ của nó.

VỚI THỨ nghệ thuật đang tìm đường thể hiện, vai trò dẫn đạo cốt yếu thuộc lý thuyết gia và triết gia về văn học và nghệ thuật. Nhưng mà phê bình gia cũng là một trong những lý thuyết gia đó : phê bình không thể không có thẩm mỹ học. Người ta vẫn thường nhắc nhở cái vai trò ngự sử văn học và nghệ thuật của phê bình gia, vai trò quyết định thị hiếu và đường lối sáng tác của thời đại mình. Là vì phê bình buộc nghệ thuật phải suy nghĩ lại chính nó, để tìm những nguyên lý mới, để cải thiện chính nó. Nghệ thuật đang tạo lập cũng như lý trí đang tạo lập khác với nghệ thuật đã thành và lý trí đã lập là thế. Và phê bình chính xác bao giờ cũng đề nặng ý thức sáng tạo và ý thức thưởng ngoạn.

VỚI SỰ hiện diện của triết học, một bối rối khác nảy sinh cho nghệ thuật : Nghệ thuật là hình thức

hay nội dung ? Một phân chia chỉ nên giữ ở hàng thứ yếu cho sự đòi hỏi của một công cuộc phân tích và xếp loại. Ấy là chưa kể rằng sự phân chia nội dung hình thức đó thường khi là ý hướng vụ lợi của một số triết gia và chính trị gia, nào đó : người ta muốn đặt đề một « nội dung nào đó » thì phải cho một « hình thức tự do nào đó », chẳng hạn nội dung quốc tế và hình thức quốc gia. Sự xung khắc trên dường như đã được giải quyết, một phần bởi thuyết tâm lý học hình thức (gestalt psychologie) : Trong hình thức có nội dung, và kết thúc một nhận thức bao giờ cũng là một tri giác toàn bộ. Bình thường hơn, người ta cũng có thể nói : Không có một nội dung nào là không thể hiện thành một hình thức nếu không muốn ở trong sự mơ hồ và không có một hình thức nào là không chứa một nội dung nếu không muốn làm một ảo ảnh. Và cũng chính do cái phân chia nội dung và hình thức này mà xưa kia đã có một vấn đề hư ngụy mà tôi đã có dịp nhắc nhở tới trong bài « Ý thức và Tự do trong Văn học » ở số báo kỳ trước. Không đi tới tâm lý học hình thức, ta vẫn phải chấp nhận quan niệm tổng hợp thường được ưa chuộng ở Đông phương : Nghệ thuật vừa ở nội dung vừa ở hình thức. Nhìn cho thật sâu, nghệ thuật là một và bất phân. Nối kết với các khu vực tri thức và tác tạo khác, ta có thể nói về nghệ thuật : chất liệu của nó vẫn chỉ là vũ trụ, nhân sinh, khát vọng con người như muôn ngàn khu vực khác. Với lượng ý thức riêng, với phương tiện riêng, nghệ thuật là một phương thức thể hiện cái mệnh của con người, và là một phương thức có một phạm vi tự trị và, do đó, một giá trị tự tại.

SAU NHỮNG phân tích trên, ta có thể đặt và giải quyết tổng lược hai vấn đề căn bản của nghệ thuật : vấn đề triết học và vấn đề kỹ thuật của nó.

VẤN ĐỀ triết học : Nghệ thuật là một phương thức diễn tả xúc động của con người trước vũ trụ và nhân sinh, trong viễn tượng giải phóng con người ra khỏi chính nó, khuếch trương nó trong không gian và trường tồn nó trong thời gian, xóa bỏ biên cương giữa cái Tôi và Ngoại giới, để cho con người nhập vào thế giới vô biên và vĩnh cửu. Tất nhiên đối tượng này thật là tổng quát và là nơi gặp gỡ của nhiều khu vực tri thức khác nhất là Triết học, Tôn giáo, Chính trị. Cho nên vấn đề triết học đặc thù của nghệ thuật lại là : cái giá trị tự tại của phương thức nghệ thuật đồng thời sự gia nhập cộng đồng tri thức của nó.

VẤN ĐỀ triết học đặc thù của nghệ thuật tự nhiên liên kết với vấn đề kỹ thuật của nó : Làm thế nào để nuôi dưỡng, phát triển và điều động những khả năng nội tại cũng như những phương tiện ngoại tại để thực hiện những cứu cánh triết học trên ? Cảm quan, tri tưởng tượng, bản năng, trực giác, trí khôn, sự suy luận... chung cho mọi bộ môn ; ngôn ngữ, âm thanh, màu sắc, động tác... riêng cho từng bộ môn. Vấn đề một phần thuộc thẩm mỹ học, trong đó có vấn đề thị hiếu, một phần tùy ở những khám phá và chinh phục của những khu vực khác. Một khi phương tiện diễn đạt đổi thay đi, phong phú lên thì phương thức nghệ thuật cũng phải chuyển biến theo. Thí dụ điển hình tìm thấy trong khoa kiến trúc và sân khấu.



BÂY GIỜ ta có thể suy nghĩ về phê bình như là đối tượng chính yếu trước nghệ thuật.

TRONG ngôn ngữ sử dụng, phê bình, thường có ý nghĩa xấu là chỉ trích, lên án, phản đối, chối từ... Danh từ đó ở tây phương còn có nghĩa là khủng hoảng, nguy kịch. Trong lãnh vực học vấn, cổ xưa phê bình là phần luận lý xét về sự phán đoán, mà phán đoán là sự nối kết hai khái niệm với nhau bằng một tương quan. Sau này, phê bình là khám xét một nguyên lý hay một sự việc để đưa ra một lời phê phán về giá trị của nó, một khám xét tự do công khai và minh thị; từ đó người ta có phê bình nghệ thuật là thẩm mỹ học, phê bình chân lý là luận lý học. Mở rộng ra, đầu óc phê bình là đầu óc chẳng chấp nhận một điều xác nhận mà không tự vấn về giá trị của xác nhận đó hoặc về nội dung (phê bình trong), hoặc về nguồn gốc của nó (phê bình ngoài). Từ đó, nảy sinh đầu óc phê bình của Descartes, chủ nghĩa phê bình của Kant, phương pháp phê bình của sử học... Tất cả những nhắc nhở sơ đẳng này để nói rằng phê bình là đánh giá bằng tìm hiểu tương tận. Tất nhiên phê bình văn học và nghệ thuật cũng thế.

CÒN Gì rộng rãi cho bằng danh từ tìm hiểu? Có không biết bao nhiêu là đường lối nhận thức. Điều cần thiết là phê bình nghệ thuật thì phải « biết » nghệ thuật là gì đầu không « làm » nghệ thuật, theo nguyên lý phân nhiệm. Tất nhiên « biết » và « làm » thì có thể « biết giàu có » hơn nhưng cũng có thể « rui ro » hơn. Đó là điều khiến ta không thể nại có chống phê bình : Hãy thử làm đi rồi hãy nói.

BỎ ĐI cái đạo đức tình thương của Schopenhauer đặt không đúng chỗ nếu không là lấy làm cái bình phong che dấu sự vụ vụ, xin nhắc nhở vấn đề nguyên tắc là đường lối nhận thức một phần lớn tùy thuộc ở đối tượng nhận thức. Nghệ thuật là phương thức diễn tả xúc động thì nhận thức nghệ thuật là phải bằng ý thức thẩm mỹ. Thay vì tình thương, nhiều lắm chỉ nên kể sự thiện cảm theo quan niệm của Max Scheler.

TRONG BÀI « khôi phục văn chương và giác ngộ phê bình » tôi có phản nản một số người đã quá bầu vi vu vào nội dung tư tưởng khi phê bình, và đã thiên lệnh giăng cái lưới ý thức hệ cam kết của mình mà xét đoán văn chương người khác. Một đồng nghiệp của tôi đã đồng ý bằng xác nhận : « Cái thời mé-acritique đã qua rồi ! »

CŨNG CÓ người tập sự phê bình thì lo ngại điểm tựa thời gian : quá khứ hay hiện tại. Chẳng có trường cửu tinh và nhất thời tinh của tác phẩm nghệ thuật đó sao : thước đo chung là cái đây chung của con người và thước đo riêng là con-người-dang-sống.

NẾU CẦN phải dny tri sự phân chia thứ yếu là nội dung và hình thức, ta nên nhớ phê bình hình thức cốt yếu thuộc thẩm mỹ. Về nội dung, ta nên lo đến xúc động thẩm mỹ là chất liệu của nghệ thuật; đi xa hơn, người ta nói tới cái đẹp của một tư tưởng và vấn đề nhân bản đặt ra từ đó. Và ta có cái gương hai mặt để phê bình văn học và nghệ thuật đường lối nhân bản để xét đoán nội dung và tính kết thẩm mỹ để đo lường hình thức.

TRỞ LẠI với công tác tìm hiểu để đánh giá. Một trong những công tác của tìm hiểu là giải thích; ở chỗ này phê bình làm công việc của lịch sử văn học và nghệ thuật. Tìm hiểu còn là diễn giảng, phân tích, tổng hợp; ở chỗ này phê bình làm công việc của bình giảng văn chương và nghệ thuật trong viễn tượng đem lại một lý hội mới làm giàu cho sự lý hội một tác phẩm bình giảng. Và một điều thường bị lãng quên, một điều dễ phê bình nói với công chúng hơn là tác giả, đó là « tìm lại dấu vết ý thức hay vô thức của một tác phẩm ». Điều này đòi hỏi kinh nghiệm đọc văn, thường ngoạn nghệ thuật thật phong phú của nhà phê bình. Dấu vết đã tìm ra, phê bình gia lại phải đối chiếu các dấu vết đó với tác phẩm phê bình để theo dõi những đổi thay quan niệm hay rung động mà xét xem tác giả của nó có đem lại một cái gì mới mẻ cho một chủ đề cũ không. Công việc này vừa qua thì một công việc khác tới: cũng xúc động con người đó, nhiều tác giả (nếu không là nhiều bộ môn nghệ thuật) đã chọn phương thức diễn đạt nào. Ở văn chương, công việc này luôn thể là công việc của văn thể học, một khoa học quy chuẩn về các hình thức văn chương (quy chuẩn tới mức nào lại là một vấn đề khác). Thêm vào đó, như đã kể trên kia, là cái công tác quy luật hóa, « văn phạm hóa » nghệ thuật trong công phu và những điều kiện áp dụng quy luật vào tác phẩm trong minh trực. Mấy điều ghi nhận này cho ta thấy cái bác học mẫn cán cần có của một nhà phê bình văn học và nghệ thuật là như thế nào.

ĐÃ ĐẾN lúc ta có thể đặt và giải quyết tổng quát

hai vấn đề căn bản của phê bình: vấn đề triết học và vấn đề kỹ thuật của nó.

VẤN ĐỀ triết học: Phê bình chỉ có vì nghệ thuật; phê bình phải xác định cho mình cái tương quan của nó với nghệ thuật; nó phải làm sao cho nghệ thuật thực hiện được những cứu cánh tổng quát cũng như đặc thù của nó như đã ghi nhận ở trên kia. Phê bình vừa đóng vai phê phán vừa đóng vai giúp đỡ nghệ thuật. Nó vừa ở trên lại vừa ở dưới nghệ thuật, vừa ở trong lại vừa ở ngoài nghệ thuật. Phê bình là quy luật hóa nghệ thuật, phê phán nó trên con đường thực hiện cứu cánh của nó, giúp nó suy nghĩ lại chính nó nếu không là suy nghĩ cho nó. Vấn đề đặc thù của phê bình cũng luôn thể là những vấn đề trên.

VẤN ĐỀ kỹ thuật của phê bình lại phức tạp hơn bởi phê bình đòi hỏi bác học, khoa học: triết học, sử học, thẩm mỹ học, xã hội học, tâm lý học, nói chung các bộ môn, và kỹ thuật riêng mà mỗi bộ môn hay mỗi tác giả sử dụng để sáng tạo. Phê bình chuyên môn chỉ khác thường ngoạn đại chúng ở chỗ biết tới cái kỹ thuật sáng tạo của tác giả nghệ thuật. Không biết tới cái kỹ thuật của người làm nghệ thuật thì sao gọi là một phê bình có kỹ thuật được? Phê bình thông thái, nói theo ngôn ngữ của luật học là một bản phán xét có viện dẫn đầy đủ các lý do. Và bởi phê bình phải theo chân nghệ thuật để thay đổi kịp thời phương tiện và đường lối sử dụng thì trên bình diện đại cương vấn đề kỹ thuật lại thành ra vấn đề nghệ thuật điều động kiến thức, đó chính là « nghệ thuật của phê bình » vậy.

PHÊ BÌNH phát sinh từ mỹ giúp đỡ nghệ thuật. Một nghệ thuật khôn ngoan phải biết nghe lời của phê bình sâu xa, hai khu vực này không có gì mâu thuẫn nhau, mà trái lại, có một tương quan mật thiết với nhau. Phê bình không có nghệ thuật thì không có lý sống ; và nghệ thuật thiếu phê bình sợ rằng lạc hướng, khó phát triển. Phê bình là một bổ túc cần thiết và hữu ích của nghệ thuật. Nghệ thuật có được sự hỗ trợ của phê bình mới gia nhập một cách vững mạnh vào cộng đồng kiến thức và sáng tạo của con người. Nghệ thuật nghiêng về cái khiêu, phê bình nghiêng về học vấn. Không thể nói cái nào khó cái nào dễ được.

NGUYỄN SỸ TẾ

THẾ VIÊN

những ngày trên ba mươi tuổi

|
những ngày trên ba mươi tuổi
tôi soi mặt nhìn tôi
bước đi trên một vùng đồ vớ
bước đi trên quê-hương đau khổ
từ những nơi nào ấu thơ
từ những buổi nào khói lửa
tôi đi từ miền sông Mã sông Hồng
tôi đi từ miền sông Hương sông Cửu
những nơi nào quê hương của tôi
những ngày nào tuổi thơ của mẹ
như chị như em như rừng như bể
như những ngày trên ba mươi tuổi
tôi đi tìm tôi
đi tìm dấu vết của sự mù
đi tìm dấu vết của tình yêu chạy trốn
khi đồng bào tôi còn chịu đựng
khi đất nước tôi còn lầm than
tôi vẫn đi tìm

như đứa con đi hoang
chưa về với mẹ.

2

buồn không em khi anh trên ba mươi tuổi
hận thù đâm nhói sau lưng
vết đau hơn thép lưỡi lê sáng loáng
những ngày trên ba mươi tuổi
chiến-trường mở rộng
nắng xạm đen mặt anh thành lửa bỏng
mùa hè chạy dài trên những cơn bão cơn giông
mùa hè chạy dài trên những chiến xa đồ nát
trên những vùng đất quê hương phi cớ
oanh-tạc

buồn không em khi anh trên ba mươi tuổi
tâm-hồn bỗng lối như đêm
con tim bỗng trở thành vì sao cô đơn buổi sáng
khi bằng hữu ngã gục thêm
khi anh em nằm xuống thêm
trên bờ Tiền-giang Hậu-giang
hay chốn núi rừng cao nguyên hỏa tuyến
ôi Trục! ôi Bảo! ôi Đạo! ôi Thạch!
ôi Hiền! ôi Lâm!

đã chết đã chết một hai ba người
năm sáu bảy người đã chết đã chết
anh còn lại đây những người hiện sống
vai nặng hành trang quê-hương thấm mệt
em đã quên từ lúc nào
mái tóc đôi môi đôi mắt đôi tay

em đã quên từ lúc nào
khi anh nằm xuống đâu đây...

Tháng 4-1965

quê hương

khởi đầu bằng những nấc thang
khởi đầu bằng những phần-uất
khởi đầu bằng những dấn-vật khô-đau
bằng những tiếng kinh cầu nguyện
bằng những đêm tối kinh-hoàng

bằng nước mắt của em
rơi xuống và rơi xuống bóng đen tù ngục
như vậy bao nhiêu năm bao nhiêu tháng
bao nhiêu ngày
bao nhiêu người đã khuất bao nhiêu người
còn sống

bao nhiêu chiếc cầu bị phá sập
bao nhiêu con đường bị đào lên
bao nhiêu ngôi mộ ghi tên em hỡi em!
khởi đầu bằng dòng nước chảy bằng những
thây trôi

bằng tiếng kêu gọi quê-hương
bằng đôi rét chờ đợi
bằng những con người khổ-rách áo ôm
lạnh mỗi ngày từng khẩu phần cứu trợ
bao nhiêu gạo bao nhiêu sữa bao nhiêu chăn
chiếu áo quần

còn không em dấu vết tình thương
 còn không em khi sự-vật không mang tên tuổi
 khởi đầu bằng tiểu đội trung đội đại đội
 khởi đầu bằng thể đứng hàng ngang
 khởi đầu bằng mã tấu dao găm
 khởi đầu bằng bắt cóc ám sát
 khởi đầu bằng im-lặng hận thù
 khởi đầu bằng cơn đau lịch-sử
 khởi đầu bằng tiếng khóc của em nước-nở
 bằng tình-yêu héo-úa
 như mặt trời buổi chiều như ngọn cỏ khô sương
 như hai vai nhàu nát của quê hương tổ-quốc
 khởi đầu bằng em và anh
 những lúc vẽ mặt vẽ mày lên sân khấu
 những lúc nhảy múa rối ren
 những lúc hét la không thành tiếng
 những lúc đã quên đã quên
 ngai vàng em ngự-trị
 những lúc khổ đau trở thành mộng-mị
 những lúc nổi chết trở thành thánh thần
 những lúc ấy khởi đầu bằng ảnh bằng hình
 Việt Nam
 Ôi Việt Nam !

1965

mẹ và con

I
 con sống đó một vùng trời khô cằn
 nổi nhọc-nhân trong tiếng hát quê-hương

đêm nào xanh như dây Trường-Sơn
 mang chuyện buồn về trên đất mẹ
 khi con lớn vết hằn lên tuổi trẻ
 niềm khổ-đau loài dị-thảo Phi-Châu
 nằng chấy đen thân còn mang cơn sốt
 của người bệnh già năm tháng về đau
 khi con lớn quê-hương tràn khói lửa
 bóng người anh người chú người cha
 ôm khuôn mặt nơi chiến trường đồ-vỡ
 và mẹ hiền nhăn nếp trán bao la
 dòng nước mắt mù sương trời sa mạc
 mẹ của con trong khúc hát điệu tàn
 ôi ! tổ quốc mang cảm hờn dĩ-vãng
 vùng tâm-hồn nổi bão tố bi thương

2

mẹ sống đó những đêm dài không ngủ
 thân bỏng đau từ khói lửa quê nhà
 quãng đường dài chuyến xe đồ lặt ngửa
 thành phố buồn mìn nổ và chiến xa
 mẹ đứng đó với hai tay yếu đuối
 bao nhần-nhục trên ánh mắt màu da
 hiện lên sau bóng núi rừng thăm thẳm
 trời Việt-Nam Nhật-Bản hay Trung-Hoa
 con của mẹ không không không từ chối
 đất nước này niềm đau đớn không người
 trái chín trên cây và mặt trời đốt lửa
 mẹ héo khô ôi năm tháng đọa-đày

con làm bài thơ hôm nay
 bài thơ nhà một nỗi nhọc-nhàn
 của núi rừng Phi-Châu hay miền Trung Mỹ
 như tổ-quốc hôm nay
 những đêm dài không ngủ
 như mẹ và con
 trong vùng bão-tổ.

Tháng 2-1965

con đường tình ly

bao đêm rồi tôi không ngon giấc ngủ
 buổi sáng nào tôi thấy mặt trời rực rỡ
 con đường dài tiếp nối chạy quanh tỉnh ly
 con đường dài mang dấu vết chân em
 con đường dài xanh tình yêu thuở trước
 bây giờ vỡ nát như con tim
 bây giờ tối đen như mặt nước
 mặt nước của tình yêu nổi chết
 của kỷ niệm không tên
 của một thành phố điên
 của một thành phố buồn
 ôi em ôi em
 hằng đêm nghe tiếng súng
 hằng ngày nhìn lính say

(anh cũng là một tên lính say)

bao giờ em được biết

bao giờ em nhìn lên

với nụ cười thủy tinh bất diệt

khi những xác chết phơi quanh giao-thông-hào

khi những chuyến xe ngựa già quay về tỉnh-ly

khi những trẻ con chạy theo lính Mỹ

O.K - O.K - O.K -

Ô kê và Ô kê

ôi khuôn mặt thê-thảm

hình bóng em thiên-đàng

nước mắt em nhỏ xuống

chiến cuộc này lắm than

gọi tên em gọi tên em

hét to lên thành tiếng

anh đi trong sương mù

anh đi sau thành phố

bằng hữu không còn ai

con đường dài tỉnh-ly

tháp chuông cao trên đầu

đêm nào ngon giấc ngủ

buổi sáng nào thấy màu trời rực-rỡ

ôi em ôi em.

THẾ VIÊN

đur vang nghệ thuật

*Si la vie vaut jamais la peine d'être vécue, cher
Socrate, dit l'étrangère de Matinée, c'est à ce
moment où l'homme contemple la beauté en soi.*

PLATON (Banquet)

KHI CHÚNG ta phở tiếng khóc ban đầu vào vành môi thì sự vật đã-có-đấy-rồi, vây quanh. Khi chúng ta thức tỉnh trước cuộc đời thì sự vật cũng đã-có-đấy-rồi, thế giới chứa đựng. Khi chúng ta phản tỉnh thì sự vật đang có đấy, im lìm. Và như thế ta đã quá già trong nỗi buồn thân phận giữa lòng sự vật! Chúng có đấy nhìn ta: Chúng không nhìn ta bằng ánh mắt tỉnh sâu, hơi thở trầm mộng hay câu thơ cổ mà với sự có mặt lạnh lùng: chúng ta hiện hữu như « Người xa lạ » trong tâm sự vật, không phải không ngạc nhiên, không hãi hùng.

Ta không trưởng thành trên cung tay người mẹ đầu yêu mà mãi mãi ấu thơ trong từng giọt sữa vụn vặt, (không hiểu ta đã ra đời bằng điểm phúc hay với niềm bất hạnh mà sự vật vẫn im lìm!) Sống là nhìn vụn vặt thế mà vũ trụ lại chứng đựng cái nhìn của ta, sống là tìm lại cái nhìn của chúng ta trên mảnh đất không tên: tinh hoai hương của hữu thể mang chở ta vào nỗi buồn không bờ bến. Hoai hương là khát vọng một cuộc đời nào đẹp hơn, sống một nơi nào khác, một cách nào khác hơn, khát vọng yêu đương và được yêu say đắm. Hiệu hữu chúng ta là sự khẩn trương của khát vọng ấy. Mỗi một chúng ta là một bán hữu thể mà sống là nhằm tìm về một nửa hữu thể chưa gặp hay không gặp trong quê hương chứa đầy tuyệt đối ĐẸP, tuyệt đối CÓ, thanh bình, viên mãn, trường cửu, khác hẳn với vũ trụ ta đang sống trong cái nhìn của sự vật. Cái nhìn của sự vật chỉ gây cho ta hãi hùng trong khi ta vẫn hằng mơ cõi trời hạnh phúc với mái tóc thơ, bầu trời Mơ, ánh mắt nghìn năm của Ngọc Nữ, tiếng ca muôn thuở của Tiên Nga là biển Tình và Mộng: thế giới nghệ thuật. Hóa ra nghệ thuật là vũ trụ làm bằng kinh nghiệm buồn của con người: cái Đẹp nào cũng là Buồn! Phải chăng kinh nghiệm buồn ấy là kinh nghiệm thâm mỹ sơ khai, mỹ cảm mộc bản? Và, cũng là kinh nghiệm yêu đương?

BAO LÂU chưa tìm được Quê hương, bấy lâu ta còn ý thức như lưu đày, chúng ta cũng chỉ có thể băng mình vào nếp nhạc thần tiên, phấn hương mộng mỹ từ cuộc sống này, từ sự vật đang im lìm đấy. Lúc bấy giờ ý thức ta bèn đốt lửa để soi sáng khuôn mặt chúng: khám phá sự yên lặng để biến cái nhìn xa lạ của vũ trụ quanh ta, từ khai độ hữu thể (ouverture de l'être), nhờ Tâm hồn

Ta bằng cách đồ đầy cho chúng một ý nghĩa: «Đóa hồng này đẹp đấy!» «cảnh hồ người này mỹ miều như mi mắt trẻ thơ!», «ánh hoàng hôn này tình như màu tóc cũ!», «dòng suối này cô tịch như hồn người yêu nghìn trùng dĩ vãng!»... Và, nghệ thuật đã bắt đầu, *Nghệ thuật là sáng tạo ngôn từ, màu sắc, đường nét âm điệu mới để gọi dậy những hữu thể đã cũ.* Cho nên, bây giờ ta có thể ném sỏi xuống biển sâu mà bảo rằng đó là nước mắt tình yêu đã mất gửi xuống miền thủy cung ở đó những nàng nhân ngư tuyệt sắc đang chải tóc tím buồn bã. Bây giờ ta có thể lẫn mình trên cỏ đêm mà bảo rằng thảm tóc tình nhân luôn cài trên môi nét sâu cổ sử, những gì huyền bí vô cùng. Và, bây giờ ta có quyền làm thơ trên bãi cát, vẽ tranh trên lụa bạch và đưa cầm thạch về bảo tàng viện yên nghỉ muôn đời...

NGHỆ THUẬT là trốn chạy sự vật im lìm, ý thức chối từ thân phận buồn bã trong nỗ lực ở đời như nhà thi sĩ từ kinh nghiệm lưu đầy, mất quê hương đó.

THỨC TÌNH là cửa ngõ mở vào Nghệ thuật. Nếu triết gia gọi ý thức mình bằng những tiếng vọng suy tư, lắng đọng thì nghệ sĩ đem tâm hồn đắp kín không gian, phò thời gian vào vũ trụ, đốt lửa đam mê chiếu sáng miền vô thức và trực giác thuần túy dẫn đường vào lòng sự vật để hái trái xanh nguyên thủy của Nàng Thơ, bản chất thi ca. Chúng ta ngắm nhìn sự vật với thái độ phong lưu như để gọi chúng là sự vật cũng đã đẹp nhưng chưa đẹp, như để trang điểm chúng thêm một lần bằng yêu đương, tình tự và say mê. Bởi lòng người chỉ có biết yêu một điều duy nhất: cái ĐẸP. Yêu cái Đẹp là biến cái xấu thành đẹp, biến cái Đẹp thành Đẹp. Lòng người

là cõi mộng của sự vật đầu thai làm cái Đẹp. Trốn chạy sự vật là cảm thức trừu tượng thuần tìm về sự vật trong lý tưởng biến đổi chúng bằng Nghệ thuật: Nghệ thuật, nhằm tha hóa sự vật, là quê hương của cái Đẹp mà mỗi tác phẩm định nghĩa như biển tình ngưng đọng và ru ru vào giấc Vĩnh Tồn. Sống là nhìn tương lai bằng dĩ vãng, tác phẩm nghệ thuật chứng tích cho quá trình của cái nhìn ấy. Sống là dấn đuổi nhìn lại Tâm Hồn Ta, miên man gối đầu lên thời gian để nghe lòng mình ngân vang bao nhiêu nỗi buồn thiên cổ, tác phẩm nghệ thuật là ngôn ngữ của hướng nội tính ấy. Nhìn bầu trời xanh để đếm có bao nhiêu sao đêm chưa tắt là nhìn vào lòng mình xem còn mấy điệu buồn chưa rụng theo sao: sống là nhìn lại tâm hồn mình từng phút giây cũng vì đó là ý nghĩa duy nhất của cuộc đời không đáng sống. Nghệ thuật thoát thai từ đó, như bức thông điệp tiền phi lý vào hư vô và, đăng quang cho cuộc đời. Vô cảm là vai trò của năng tri, tình tự là bản chất còn tim. Hiện hữu nào cũng là dư vang buồn tiền sử của hai ngôn ngữ xa xăm kia. Cái Đẹp chính là Dư vang (logos) đó mà sao ta dễ quên! Sao ta không là gã phù thủy dùng dư vang làm «bùa ngải» để đuổi thân phận ra khỏi cuộc đời? Bằng tình Yêu, dư vang viển vông ta vào tận miền ảo tưởng ở đó sáng tạo nghệ thuật ghi lại ước mơ đời người và khát vọng người đời: *Hiện hữu là nỗ lực đưa cái Đẹp vào nghệ thuật như thể hiện tiếng ca nghìn trùng trắng sao, rực rỡ sắc màu, và đường nét nhịp nhàng và tình yêu mộng my...*

Nghệ thuật là biểu lộ cái Đẹp bằng Tình yêu trong ý hướng phản kháng thân phận làm người.

NẾU PHẢN tỉnh là ý thức bừng sáng trở về trước lời mời gọi của hữu thể thì chân lý nơi sự vật dần dần triển khai theo quá trình suy tư mà trực giác là khả năng lĩnh hội và sáng tạo: bản chất của ảnh tượng là nói lên một điều gì. Trong khi tâm tình huyền bí thúc đẩy triết gia đi từ tư tưởng trừu tượng đến trực giác, đó là lòng buồn chán, lòng ước ao hướng tới nội dung cụ thể thì tâm tình mộng mỵ — cũng không phải không huyền bí — thúc đẩy nghệ sĩ đi từ trực giác cụ tượng đến ý niệm hư vô, đó là nỗi buồn khổ và lòng ước ao hướng tới cái Đẹp Tuyệt Đối. Nghệ sĩ là một triết gia không biết lập luận, không sống với suy luận, triết gia là nghệ sĩ không muốn trở thành nghệ sĩ. Người nghệ sĩ phải tỉnh về điều đó, trực giác như một đư văng xa xăm, thần thoại, từ lòng vạn vật, từ biển hồ sông núi sự vật, nhưng không lý luận về trực giác đó mà lại SỐNG với trực giác đó, hay nó chính là trực giác đó; thế thôi. Trực giác lay gọi vô thức sáng tạo định nghĩa như một lãng phí của thời gian, một hành trình hư vô của sự biểu lộ cái Đẹp Nghệ sĩ sáng suốt rất u mê, thông minh một cách không lý trí, dùng trực giác làm thuyền vượt đại dương và để lại những luồng sóng đẹp vô tình: tác phẩm nghệ thuật là một « thành công » tình cờ, một tai nạn. Và, tâm thức nghệ sĩ là vùng đất hứa của những mảng trời trực giác vô ngôn. Trực giác là lòng người ở đó đư văng nghệ thuật bất thành tiếng khóc (không bao giờ có tiếng cười trong nghệ thuật vì muốn Đẹp phải buồn, và buồn mới Đẹp), những giọt nước mắt chân thành nhất. Tiếng

khóc (1) kia là thông điệp của bao ước mơ chưa trọn và nhất là không bao giờ diễn đạt được :

Hãy cho anh khóc bằng mắt em

Những cuộc tình duyên Budapest

T. T. Tuyền

NGHỆ SĨ chỉ có mỗi một công việc duy nhất phải làm là diễn tả cái Đẹp tìm kiếm bằng tâm hồn kinh nghiệm mỵ cảm. Thế mà khả năng con người lại hữu hạn trước cái Đẹp (vô hạn), khả năng gắn liền với thân xác vụng về, trước những trừu tượng thanh khiết: cô đơn là sự xé rách của tâm thức bởi hữu hạn với vô hạn.

NGHIỆ THUẬT có thể xem như là thiên thai của những gì tục lụy: Sáng tạo là diễn tiến của tâm thức mơ mộng từ tục lụy thân phận đến tưởng tượng, ảo giác, thiên thai: *tác phẩm là đám cưới của tục lụy và thiên thai mà dây tơ hồng là lòng người nghệ sĩ*. Bởi cuộc đời là một cửa mở cho hai lối về trần gian và mộng tưởng mà người nghệ sĩ có hai cánh tay dài ôm choàng tục lụy và níu kéo thiên thai, và, thời gian lạnh ngắt xuống vai những bóng tối, những nỗi buồn vô hạn. Chạy trốn thân phận bằng cách đư phóng; thế mà tương lai lại là hư vô lảng lơ; bây giờ nó chạy đi đâu nữa? Con đường duy nhất chẳng phải là gục đầu vào hư hỏ mà nức nở sao? Người nghệ sĩ sống là chạy trốn cuộc đời, trốn chính nó bởi vì nó không muốn thấy nó cô đơn; không muốn thấy lại

(1) Tiếng cười nào cũng là một tiếng khóc trá hình vì bản chất cuộc đời không phải là niềm vui mà là nỗi buồn muôn thuở.

thấy rõ hơn : tác phẩm, nổi cô đơn lũy thừa của kẻ ở đời như nhà thi sĩ, như một triết nhân cô độc :

« Theo sách cổ thi ngày xưa ở bên Trung Hoa có một triết nhân thường ngồi một mình dưới chiếc cổng đền đồ nát có màu xanh lung linh của con trăng lưỡi liềm thời khuyết sử,

« Rồi một ngày kia khắp trong nước từ hoàng tử đến cả thần dân không một ai biết ngài đã lưu lạc ở góc bể chân trời nào.

« Có một người kể lại rằng đã gặp ngài một lần đang cưỡi con trâu xanh đi lần trên sa mạc miền Tây trong một buổi hoàng hôn xa mờ dài vạn dặm,

« Và hình như ngài có ghé nghỉ đêm ở một quán khách chênh vênh trên miền du hành bao la để ngày hôm sau trước khi tiếp tục ra đi và trao tặng chủ quán một quyển sách nói về sự khôn ngoan của loài người...

« Ngài đã là một chứng nhân cho con đường tìm đạo mà ngài đã đề ra một đời trầm ngâm giữa núi sông thảo mộc,

« Ngài đã bỏ đi không còn ai biết nữa trong dĩ vãng ngàn năm mà trên cuộc hành trình xa xôi gió sa mạc cũng đã thổi mờ dấu chân đi của con trâu xanh thời quá khứ hoang đường... » (1)

VỚI TRIẾT nhân đông phương, một khi đã hòa đồng với cái lý, cái Đạo, thì ngay cả dấu chân đi của con trâu xanh cũng không còn trên bãi cát quá vắng vì Lý, Đạo là những thực thể vĩnh tồn chưa đựng tất cả : Người nào đi nhanh thì không để lại một dấu vết nào

người nào nói hay thì cũng không có gì trên bài diễn văn. Một hình vuông lớn không có góc, và một thứ âm nhạc vĩ đại thì hoàn toàn câm lặng. Tác phẩm nghệ thuật là thế giới câm lặng, một bãi cát không dấu chân, bài thơ vắng bóng ngôn từ... Nghệ sĩ là kẻ đi tìm câm lặng, cô đơn cũng là một loài câm lặng ; nói khác, tìm cái Đẹp tức là tìm cô đơn trong khi ý thức phản kháng thân phận là một trốn chạy cô đơn. Vây sáng tạo là cuộc đuổi bắt cô đơn. Diễn tả cái đẹp tức là diễn tả CÔ ĐƠN : làm nghệ thuật là đưa con người về nhân tính, trả con người lại cho con người, con người tục lụy cho con người thiên thai. Sáng tạo nghệ thuật là sự đàn thai vĩnh viễn của cô đơn : Vũ trụ quay đi trở lại trên cùng một chặng đường giới hạn, mỗi lần như thế con người, sự vật lại bắt đầu sống lại cuộc đời đã sống, Đó là sự trở về vĩnh viễn (NIETZSCHE). Nghệ sĩ bắt đầu yêu cái Đẹp, đi tìm cái Đẹp, cố gắng diễn tả cái đẹp, rồi lại thấy nó chưa đẹp rồi bắt đầu yêu cái Đẹp lại đi tìm... : thân phận của đã trăng đã đánh rơi ngọc quý xuống đáy trùng dương vô hạn mà hiện hữu biểu lộ như sự trở về vĩnh viễn của tâm thức, hay của chính cô đơn. Thời gian đích thực của Dasein :

MỘT ĐÊM đen như mực bầu trời không trăng sao nhện nhện từ trong một góc rừng chấp choạng trên con đường gió thổi làn mờ xuống bãi biển thì thắm với đã trăng như sau đây,

« CON NHỆN kể chuyện rằng một đêm kia nó men men đến gần nhà tiên tri Zarathoustra đang giảng dạy cho

bọn đệ tử ngồi chung quanh một chiếc cột trụ có ghi hàng chữ «khoảnh khắc» để đánh dấu phía sau là con đường dĩ vãng mất hút vào vịnh cửa phía trước là con đường tương lai mù mịt kéo dài đến vô biên và nhà tiên tri cho biết mọi vật khi đã đi đến đây kể cả ngài kể cả nó (tức là con nhện chậm chạp bò dưới ánh trăng trên sườn đồi) đều đã đi qua con đường quá khứ rồi sẽ trở về từ con đường tương lai phía trước để sống lại cuộc đời tiền kiếp nơi cột trụ khoảnh khắc.

«DÃ TRĂNG nghe kể như vậy gật gù công nhận mình cũng đã trở về vịnh viễn sống lại cuộc đời cũ cách đây hàng triệu năm lịch sử để hoài công lập đi lập lại công việc xe cát tìm tòi nơi biển Đông bởi vì ngày xưa nó đã từng làm rơi một viên ngọc quý xuống đáy trùng dương vô tận.

NÓ CHO rằng bao nhiêu loài côn trùng khác từ con muỗi đi tìm ba giọt máu đến con ve ve sống âm thầm trong lòng đất hơn mười bảy năm trời tất cả cũng đã trở về sống lại cuộc đời tiền kiếp ở nơi đây rỉ rả dọc theo bờ biển dài suốt cả một đêm không trăng sao... (1)

CŨNG NHƯ dã trăng đánh rơi ngọc quý, người nghệ sĩ đánh mất cái Đẹp trên miền thiên thai; cho nên sống là đi tìm lại cái Đẹp đó, cô đơn đó, một Cái Đẹp tự tại, tuyệt đối mà giờ đây đầu thai thành đường nét nhịp nhàng của một Odalisque, một Athéna một ngọc nữ tuyệt vời như tiếng sáo tiểu hạc, về thiên thai, quê nhà của Thế Lữ :

(1) TRẦN-VĂN-NAM, Nhện nhện và dã trăng (in tập thơ bỏ khuyết) txb, Saigon 196.

«Theo chìm tiếng sáo lên khơi,
Lại theo dòng suối bên người tiên nga
Khi cao vút tận mây mờ
Khi gần vút vèo bên bờ cây xanh
Êm như lọt tiếng tơ tình
Đẹp như ngọc nữ uốn mình trong không
Thiên thai gió thoảng mơ màng
Ngọc Chân buồn tưởng tiếng lòng xa bay...

(Tiếng sáo thiên thai).

Đầu thai thành mái tóc buồn thơ sầu rụng trên màu
tơ dệt của Lưu trọng Lư :

Vùng trăng từ độ lên ngôi
Năm năm bên cũ em ngồi quây tơ
Đề tóc vương vần thơ sầu rụng,
Mái tóc buồn thơ cũng buồn theo

và đầu thai làm tình nhân của Thanh Tâm Tuyền :
«Anh thường kể chuyện thần thoại. Chàng hoàng tử ôm một trái tim trắng tìm tình nhân, người làm cho tim chàng hóa thành màu đỏ trần gian, vì màu trắng ác độc giết chết kẻ yêu chàng, Kẻ ấy không bao giờ chàng được gặp, nàng chưa đầu thai xuống thế. Và sau những chấp chùng... (..) Hãy ngửa khuôn cổ tròn như cành hoa trắng, anh đeo vào dây vòng ca ngợi. Hãy chìm mắt xuống những lớp nhớ nhung như biển lớn anh đang dâng. Hãy đặt hai bàn tay mười ngón lửa sưởi lên môi anh từng lạnh giá bởi những lời đã thốt. Anh sẽ hôn em, thời khắc hạnh phúc vẫn mong manh. Mà vĩnh viễn đó» (Mặt trời tìm thấy).

THẬT VẬY, nghệ thuật là thế giới đầu thai vĩnh viễn của Cái Đẹp với Lòng-Người mà bản chất hư vô gõ trọn cảm thức của người nghệ sĩ muôn đời buồn bã

*«Le printemps adorable a perdu son odeur !
Et le Temps m'engloutit minute par minute,
Comme la neige immense un corps pris de roideur ;
Je contemple d'en haut le globe en sa rondeur ;
Et je n'y cherche plus l'abri d'une cachute ;
Avalanche, veux-tu m'emporter dans ta chute ?*

BAUDELAIRE

(Le Goût du néant in *Fleurs du Mal*)

NGHỆ THUẬT là cỗ xe thời gian chở Nghệ sĩ về miền Lý-tưởng, cũng như tình yêu là đạo đưa Lòng-người và Nghệ thuật, bởi tình yêu cũng là thời gian. Thời gian thì (luôn luôn) có cánh bay đi, chạy trốn khỏi ngôi nhà tình yêu để khúc tình sâu bấy giờ là bóng đêm và hoa trắng chôn chặt đôi mắt buồn xưa dưới mộ, vùi lấp cả một đời tuyệt vọng, ngăn ngủi ; như chính một kiếp hoa : nổi chết không rời của con người sinh ra để yêu như không yêu được mà bốn mùa cuốn phăng theo nước mắt xanh xanh hiu quạnh :

*«Thu biếc có chàng đến hỏi:
Em thơ, chị đẹp em đâu ?
Chị tôi khăn trắng cài đầu
Đi hát tình sâu trong núi»*

HUYỀN KIỀU

NGƯỜI CON gái đi hát tình sâu trong núi hay trải địa bàn tình ái để tìm phương-bắc-thương-yêu mà không thấy và chỉ thấy có nỗi buồn chảy qua kẽ hở của bàn tay ? Nghệ thuật nhằm nhốt nỗi buồn kia lại trong ngôn ngữ bởi buồn-là-Đẹp mà hơn một lần, có tịch về gỗ cửa lay gọi từng giọng kinh trời chiều :

*«Cây cỏ bình yên khuya tĩnh mịch
Bồng đầu lên khúc lạc âm thiền
Nhị hồ để bốc niềm cô tịch
Không khóc nhưng mà buồn hiu hiu...»*

XUÂN-DIỆU

(Nhị hồ in *Thơ Thơ*)

CẢM THỨC hư vô là cảm thức nền tảng của Nghệ thuật Sáng tạo bao hàm chối bỏ và vượt thoát thực hữu, tha hóa hiện hữu và bất tả ý nghĩa của sự vật bằng cách tạo cho sự vật một vũ trụ mới : *«L'art aussi est ce mouvement qui exalte et nie en même temps. «Aucun artiste ne tolère le réel, dit Nietzsche. Il est vrai ; mais aucun artiste ne peut se passer du réel. La création est exigence d'une unité et refus du monde. Mais elle refuse le monde à cause de ce qui lui manque et au nom de ce que, parfois, il est. La révolte se laisse observer ici, hors de l'histoire, à l'état pur, dans sa complication primitive. L'art devrait donc nous donner une lumière perspective sur le contenu de la révolte».* (Nghệ thuật cũng là vận hành đồng thời tán tụng và khước từ ấy. Nietzsche bảo «không có một nghệ sĩ nào dung tha thực hữu.» Đúng thế, nhưng cũng không một nghệ sĩ nào lại có thể vượt thoát được thực hữu. Sáng tạo là yêu sách một thống nhất và khước từ cuộc đời. Nhưng nó khước từ thế

giới vì thế giới còn thiếu sót và đôi khi lại nhân danh chính thế giới hiện tồn ấy. Nơi đây phản kháng được quan sát, ngoài lịch sử, ở trạng thái thuần túy, trong sự phức tạp nguyên thủy. Vậy nghệ thuật phải cố gắng hiển chúng ta một viễn tượng về nội dung của sự phản kháng». (1)

NGHỆ THUẬT, do đó, là cách thể hiện hữu của người ở đời, trong ý hướng tìm về siêu việt — không là siêu việt trên những nẻo thần linh mà là siêu việt ngay giữa lòng hiện hữu mà cái đẹp xuất hiện như vùng đất hứa *«Pour créer la beauté, il doit en même temps refuser le réel et exalter certains de ses aspects. L'art conteste le réel, mais ne se dérobe pas à lui. Nietzsche pouvait refuser toute transcendance, morale ou divine, en disant que cette transcendance poussait à la calomnie de ce monde et de cette vie. Mais il y a peut-être une transcendance vivante, dont la beauté fait la promesse, qui peut faire aimer et préférer à tout autre ce monde mortel et limité»*. (2)

(Muốn sáng tạo cái đẹp, con người đồng thời phải khước từ thực hữu và tàn dương vài cạnh góc của nó. Nghệ thuật chối bỏ thực hữu, nhưng không lẫn trốn thực hữu. Nietzsche có thể khước từ hết mọi siêu việt, đạo đức, hay thần ảnh, bằng cách nói rằng siêu việt ấy thúc đẩy ta đến chỗ vu khống thế giới và cuộc đời này. Nhưng có lẽ có một siêu việt sinh động, mà cái đẹp là vùng đất hứa, có thể khiến ta yêu và

thích một thế giới nào hoàn toàn khác hơn là thế giới chết và hạn giới này »).

BỞI TRONG sự phản kháng thực hữu đã nảy mầm một hiện hữu mới, chỉ thấy được bằng ánh sáng tâm hồn mà mọi cõi lòng người đều ước ao rào rạt để đời mới chính đời mình, đời mới cuộc đời tha nhân và vũ trụ: nghệ thuật là bản chất của những lịch sử, với ngôn ngữ đa thái, ngàn viễn tượng thiết tha và tin yêu, hiển, nhắm cõi trời tâm thức nô lệ khỏi u tối mà lạc vào vùng trời cao xanh, ngát hương thân. Nhưng trong khi đó, tiếng hát quê hương vẫn thầm vang mãi trong mỗi hồn người như lời bất tận, như chân lý của một tình yêu tuyệt đối, nghĩa là trên những nẻo đường sáng tạo, nghệ sĩ tung tay ôm choàng thế giới cũng không ngoài mục đích làm đẹp lòng đất mẹ nghìn trùng.

TRẦN NHỰT TÂN

(1) A. CAMUS, L'homme révolté, nrf, Idées trang 303.

(2) — , op, cit, trang 309.

bệnh nhân ở phòng cấp cứu

Một bệnh viện công ở giữa thành phố, không khí «nhà thương thí» tự thuở nào vẫn vậy. Buổi tối, sinh viên nội trú vừa làm xong một vòng trong khu vực phận sự, tụ họp tại phòng trực cửa sổ mở xuống công trường đã bắt đầu vắng xe cộ. Họ sửa soạn qua đêm gác không sốt sắng, không chán nản, thường lệ, tạm đủ bồn phân, càng ít việc càng hay.

Người đàn ông trung niên, da mặt tái vì mới leo thang, lộ dạng ngoài khung cửa lớn. Một người địa vị xã hội không rõ rệt nơi vẻ ngoài, nhưng không thể chối cãi không thuộc hạng thất phu có trách nhiệm. Thứ người có mặt ở đây cũng được coi hay tự có là đàn anh đứng tuổi, nhưng bối rối và hồ thẹn không cất giấu được hết. Quả bóng cao-su màu sơn bên ngoài chưa mòn, chập chòn, chơi với nổi trên mặt nước ba đào dữ dội.

Những sinh viên nội trú trực một lứa tuổi đang lên, đang nhận trách nhiệm. Gương mặt họ u uất mặc cảm do tự ái, tự mãn cá nhân đấu tranh thường trực với một hoàn cảnh bầy nhầy, những áp lực từ mười hai phương phức tạp.

Có những cặp mắt vội bức mình vì ngại việc chăm chăm ngó người mới đến. Người trung niên không thể là ai khác một bệnh nhân tại sao cứ lên cơn bệnh đúng giờ, gác đêm. Về quyết liệt của ông ta khiến mọi người cùng chú ý. Một người hỏi :

-- Có phải bệnh nhân ở phòng cấp cứu ? Ba lần làm một chúng tôi vì ba phen tự tử liên tiếp ? Nhưng sáng nay nhà thương đã cho về rồi cơ mà ?

Người trung niên không đợi mời, cứ tiến thẳng vào phòng, đưa mắt quơ vội một chiếc ghế, ngồi xuống thở. Mấy phút sau ông ta mới nói :

— Vâng, bệnh nhân ở phòng cấp cứu. Sáng nay nhà thương đã làm thủ tục cho ra về, nhưng bệnh nhân nán ở lại tới nay... vì cần giải quyết một việc chưa dứt khoát.

— Tính tự tử lần thứ tư chẳng ?

— Không đúng. Ít nhất tôi cần sống đêm nay đã, để nói chuyện về vụ tự sát thứ ba. Nhân vụ tự sát thứ ba của tôi thì đúng hơn, vì sự sống chết của tôi chỉ liên quan tới tôi. Đầu đuôi như thế này : Đêm hôm ấy, trong rửa lúc tôi đang hôn mê, nhân viên nhà thương đang bận rửa ruột cho tôi. Trên nguyên tắc lúc đó tôi đang hôn mê sự thật một phần nào giác quan của tôi đã tỉnh. Tôi nghe thấy mọi việc ở chung quanh, nhưng chưa phản ứng được. Lúc đó tôi nghe mấy ông sinh viên đứng gần

tôi bàn tán về tôi. Vấn đề lương tâm nghề nghiệp được đưa ra : tôi muốn chết, ba lần muốn chết, sao không để mặc cho tôi chết ? Một ông bực mình nhất lên tiếng nguyên rủa tôi. Lúc đó tôi cũng bực mình với chính tôi nhiều lắm, bị nghe nguyên rủa là chuyện thường. Bắt làm việc mệt nhọc trong phiên gác đêm, bực mình, nguyên rủa là phải. Tôi đề tâm không phải vì bị nguyên rủa, mà bởi nội dung lời nguyên rủa đó...

— Tại cụ tỉnh trong lúc chưa đáng tỉnh. Cụ đã bằng lòng nghe nguyên rủa rồi thì thôi chứ. Cụ tỉnh đêm nay lại làm khổ chúng tôi một lần nữa hay sao đây ?

— Tôi chỉ muốn nói chuyện, nói cho ra chuyện.

— Cụ tưởng gác đêm như chúng tôi thích nói chuyện lắm sao ?

— Đây là sự bắt buộc : tôi không muốn phiền, nhưng phải nói, vì quan hệ lắm.

— Quan hệ hay không, mặc, nếu chúng tôi không muốn nghe.

— Các ông phải nghe, vì quan hệ không riêng nơi tôi. Leo cả trăm bậc thang muốn dứt hơi, sung sướng gì ! Thấy cần nói nên phải nói.

— Quan hệ lắm ba câu là hết chứ gì ? Cụ nói mau đi, mau chấm dứt cho chúng tôi nhờ. Rửa ruột cho cụ đã khổ, có lẽ còn dễ chịu hơn nghe cụ nói.

— Nghe người khác nói có mấy khi thú. Chuyện quan hệ thì đành phải nghe, có thể thôi...

— Sốt ruột quá ! Quan hệ... thì đã bảo : Cụ nói đi cứ vòng vo loanh quanh mãi.

— Tôi đang nói đấy chứ. Tại các ông cứ ngắt lời, bắt tôi phải biện bạch mãi. Với lại câu chuyện không

giản dị ba câu ; cuộc đối thoại tôi sợ kéo dài chưa biết đến bao giờ.

— Thôi, thôi... đối thoại cả đêm nay chúng tôi đến chết hết. Bọn tôi sinh ra để gác đêm, nhưng đâu có đề vừa gác đêm vừa đối thoại. Chúng tôi can cụ, cụ bước ra khỏi đây cho chúng tôi nhờ...

— Tôi đã bảo treo một trăm bậc thang dứt hơi muốn chết. Tôi lên đây là vì các ông chứ có phải vì tôi đâu. Cá nhân tôi có nghĩa gì nữa ; hèn đến độ ba lần tự sát, còn đáng kể gì nữa. Lo là lo cho các ông...

— Ô, lạ nhĩ ? Cụ lo cho chúng tôi ? Cụ có điên không đấy ? Đọc được ảnh hưởng tới bộ phận thần kinh ?

— Đừng tìm hiểu vô ích. Tôi đã bảo là lo cho mấy ông. Loạn trí còn biết lo cho ai nữa. Các ông đề yên tôi nói, đừng bắt tôi ra ngoài câu chuyện mãi. Đêm hôm ấy tôi nghe một ông nguyên rủa tôi...

— Hừ, vẫn chuyện nguyên rủa.

— Nhắc lại nguyên văn, đó là lời nguyên rủa tục tĩu nhất, nhưng tôn trọng công thức xã hội tôi miễn nhắc ai. Hình thức lời nguyên rủa tục tĩu thật ra không đáng kể, vì nó liên hệ tới có riêng tôi, tôi chấp nhận. Nhưng tôi cần thảo luận với các ông về nội dung.

— Ông cụ lắm cầm thật ! Nội dung với hình thức ? Chẳng nào vắng tục với cụ thì cụ vắng tục trả lại nó, nội dung hay hình thức cũng như nhau có khác gì ?

— Sở dĩ tôi phải phân biệt nội dung với hình thức không phải vì đầu óc mèo mó đầu. Hình thức ở đây tục tĩu lắm, nhưng nội dung lại không tục. Nội dung đau sót lắm.

— Nếu đau xót với cụ chưa chắc đã đau xót với chúng tôi.

— Đúng lắm. Nhưng tất cả vấn đề nằm ở đó. Các ông trẻ tuổi muốn chặt cầu, muốn cắm mốc thời gian rõ rệt. Chúng tôi già, đi xa hơn, leo cao hơn, nên nhìn vào toàn cảnh lại thấy cái cầu không có nghĩa gì hết. Sau lưng các ông cũng có cầu và sẽ có người muốn chặt nữa. Vấn đề đối với chúng ta là nơi đến chứ không phải còn đường. Con đường là hình thức trong khi các ông cứ tưởng đó là nội dung. Các ông hằng hái muốn đi mau, nhìn chúng tôi các ông thấy chướng ngại.

Hai mươi năm trước chúng tôi cũng muốn đi mau lắm, cũng thấy chướng ngại như các ông. Chúng ta lần quần, lục đục với nhau ở giữa đường. Vấn đề không nằm ở trên đường mà ở cái đích đằng xa kia. Chúng tôi chưa đến, các ông càng chưa đến nữa. Chúng tôi già đời ở trên đường, e rằng đến các ông cũng già đời nửa chừng, biết bao giờ mới đến!

— Cụ già nhiều tự ái...

— Lắm lắm. Vì tự ái, người ta có thể tự sát một lần. Muốn chết tới ba lần, đâu còn chuyện tự ái nữa. Hèn, tôi hèn nên mới tìm cái chết. Thất bại, nản chí, tìm cái chết để mong giải thoát. Hôm nay nếu bàn cho ra lẽ với các ông, ngày mai có thể tôi sẽ tự sát nữa, tôi sẽ tìm một cách nào đó để không ai cứu được. Nhưng nếu bàn không ra lẽ, tôi cần phải sống nữa, có thể tôi sẽ bớt hèn đi, và cố gắng nữa. Nhưng tôi thành tâm mong sẽ được chết, khỏi phải cố gắng nữa, vì còn có các ông. Tôi đã cảm phẫn hèn vì tôi tin cuối cùng kẻ mang tội sẽ lần được tảng đá lên tới đỉnh núi. Tảng đá

có phải của riêng tôi đâu, của chung tất cả chúng ta. Nhưng đêm hôm nọ, nguyên rửa tội các ông cho tôi thấy các ông cũng hèn như tôi. Các ông đánh giá sự mệt nhọc cứu sinh mạng của tôi bằng số tiền nhỏ nhoi, hằng tháng các ông lãnh của nhà nước. Mạng sống của tôi đối với tôi, một người đã ba lần tìm cái chết, tôi đã nói là không đáng chi hết. Nhưng ở địa vị các ông trong hoàn cảnh chung các ông và tôi đêm đó, làm sao các ông đánh giá được? Nhà nước trả các ông một khoản tiền nhỏ nhoi, nhưng còn trao vào tay các ông những gì quý giá vô ngần là những mạng sống. Tôi phải vội xin lỗi các ông để gạt trường hợp riêng đó sang một bên, vì tôi đã nói: hình thức tục tĩu lắm. Vấn đề là nội dung.

— Cụ đã chối lại chúng tôi là hèn, cho dù là hèn như cụ, thiết tưởng đã đủ lắm, còn nội dung với hình thức chi nữa?

— Mỗi ngày là ở đó. Tôi hèn, tôi có lý do của tôi. Nhưng tôi không muốn các ông cũng hèn như tôi. Tôi đặt hi vọng nơi các ông vì ít nhất cái hèn của các ông không đến nỗi tệ hại quá: các ông không sợ tục tĩu khi thổ lộ tâm sự tâm thương của mình. Nhưng còn nhiều người khác, có thể nói là toàn thê... Bây giờ mọi người hay nại cái thực tế phủ phàng ra để giải thích cho cái hèn của mình. Nhưng họ tệ hại hơn các ông là cố tình phủ lên cái hèn đó một làn áo ngoài màu sắc bóng lộn. Hết thấy những danh nghĩa tốt đẹp nhất được vận dụng để che lấp cái hèn. Nguy hiểm ghê gớm là có những kẻ lừa dối cả chính mình, không biết rằng mình hèn nữa. Ai mà chẳng mỗi ngày vai bần soi gương chải tóc, cạo râu hay sửa râu, tô son, trát phấn,

nhưng có mấy ai nhận diện được chính con người đó mặt ở trong gương. Nếu soi gương mà biết then, hằng ngày người ta đã tự sát không biết cơ man nào là người, các ông tha hồ mà nguyên rủa.

— Người ta tự sát phần lớn là vì thất vọng, có ai sáng suốt mà tự sát bao giờ? Tự sát cái kiểu trí thức như cụ mới làm cho chúng tôi mệt.

— Các ông đừng đánh giá như thế. Một khi đã chùn bước trước đời sống gay khổ là đã hèn rồi, ai cũng như ai, có khác nhau là ở nguyên do, ở cái động cơ của mỗi vụ. Tôi cũng thất vọng như ai chứ. Đối với bản thân tôi, bao nhiêu hoài bão bao nhiêu cố gắng, kết quả công nghiệp chỉ là con số không, cho nên tôi thất vọng. Tôi lại nhìn ra chung quanh, tất cả chỉ là một vụ lừa bịp lớn, dưới mọi hình thái. Người ta viện dẫn những danh nghĩa tinh thần cao cả chẳng hạn như tin ngưỡng, người ta nhân danh những giá trị quý báu nhất, chẳng hạn như lòng yêu nước, người ta lạm dụng những tình tự đầm thắm nhất chẳng hạn như lòng thương người, người ta lạm dụng hết thảy để bóc lột lòng tin của mọi người. Tôi nhìn vào hiện tại, tôi ngóng về tương lai, tôi ngờ ra chung quanh, tôi quay vào nội tâm: hoàn toàn thất vọng. Cho nên ba lần tôi đã là thằng hèn. Xuống mức thấp nhất của sự hèn mà không được chết. Tôi đã mất hết lòng tin ở chung quanh.

— Tại cụ chỉ nhìn thấy có hiện tại và cụ hoài nghi tương lai, chúng ta còn dĩ vãng nữa.

— Bốn nghìn năm văn hiến, với những trang sử Việt oai hùng, phải không? Đồng ý là chúng ta còn dĩ

vãng, nhưng dĩ vãng chỉ có thể là bài học cho hiện tại và tương lai nếu chúng ta biết xứng đáng để đón nhận bài học đó. Thật ra người ta chỉ nại dĩ vãng để che giấu cái hiện tại bản thủ, cái tương lai mờ mịt. Trong trường hợp này nghĩ tới dĩ vãng càng thêm hồ then, càng thêm thất vọng.

— Hiện tại bản thủ thật, chúng ta còn xót xa gấp mấy cụ, nhưng ít nhất cũng vẫn còn những mầm mống ốt, chẳng hạn như những lời cụ vừa nói. Cố gắng lần lần rồi tương lai sẽ sáng sủa hơn lên chứ.

— Các ông trẻ tuổi, hằng say mà còn bằng lòng với bước tiến như vậy! Cố gắng? Một trăm năm nay người ta đã nói cố gắng nhiều lắm, vào đủ mọi cơ hội, nhưng hiện tại vẫn như các ông đang thấy. Cố gắng chỉ là lời nói hô hào suông. Nếu tất cả mọi người cùng bỏ ra năm phút đồng hồ chân thành suy nghĩ về những gì tốt đẹp, bao nhiêu cố gắng tốt đẹp đều còn là những ao ước, những hứa hẹn cố gắng, bao nhiêu công sức hằng ngày đều dồn vào những gì giả dối nhất, lắt léo nhất để thủ lợi. Những người nói tốt đẹp nhất là những người khôn ngoan thủ lợi nhất...

— Chẳng hóa ra đêm nay lên đây gặp chúng tôi chủ ý của cụ là muốn chúng tôi cũng hèn như cụ hết, cùng tự sát tập thể chẳng?

— Trăng tròn như thế không đúng. Tôi đã nói tôi tin rằng kết cục người phạm tội vẫn lần được tảng đá lên tới đỉnh núi. Tôi tạm nhìn cơn hèn, cố gắng leo hằng trăm bậc thang lên gặp các ông chính là muốn hỏi các ông có tin như vậy không, tin thì phải làm sao. Các ông làm cho tôi thất vọng một lần nữa chắc chắn

tôi sẽ tự sát, cho dù tôi vẫn tin, lòng tin mơ hồ như người sắp chết đuối còn cố bấp lầy chút đường khi cuối cùng. Tôi đau xót nghĩ tới các ông, các ông nghĩ sao?

— Chắc chắn chúng tôi nặng tin hơn cụ vì chúng tôi hề gì vẫn còn cái hăng say của tuổi trẻ. Lòng tin của chúng tôi không trừu tượng như của cụ. Hôm qua chúng tôi tin ở các dân anh, thế hệ dân anh đã làm cho chúng tôi thất vọng. Hôm nay chúng tôi dành tin ở chính nơi chúng tôi, nhưng niềm tin chênh vênh lắm.

— Hai mươi năm trước thế hệ chúng tôi cũng thất vọng như các ông bây giờ. Tôi chắc chắn hai mươi năm trước nữa thế hệ trước chúng tôi cũng đã thất vọng như chúng tôi. Những khoảng cách hai mươi năm đó tôi thấy chỉ là những chặng đường ngắn trên một hành trình dân tộc dài và xa. Từng thế hệ đối thoại với nhau, dẫn dắt nhau, đổ vấy trách nhiệm cho nhau nhưng vẫn theo nhau đi lạc mãi trên con đường không đúng lộ trình đã định...

— Vấn đề đặt ra là phải dọ hỏi lại lịch sử dân tộc, tìm biết đã lạc đường từ lúc nào, để quay lại theo đúng hành trình cổ hữu?

— Tôi nghĩ thế. Có thể chúng ta đã lạc đường hay hoàn cảnh lịch sử đã đưa chúng ta đi lạc. Cứ ngồi đó mà than trách để thất vọng và tạo cơ hội cho con người ích kỷ trỗi lên...

— Cụ có bằng lòng cho chúng tôi rút lại lời tục tĩu đêm nọ hay không?

— Nếu là một dấu hiệu của sự đồng tình giữa chúng ta.

MẶC ĐỒ

Ữ KHẮC KHOAN

ngộ nhận

(LÒNG NGON)

(tiếp theo)

Chợt khản giả mang cảm giác chóng mặt vì trái đất bỗng quay ngược chiều. Và Trời và Cuối biển dần trong một điệu luân vũ trở về Dĩ vãng. Đến khi cảm giác chóng mặt không còn nữa, trái đất quay lại thuận chiều, thì câu chuyện ngộ nhận bắt đầu. Đàn qua xuất hiện.

TRÙM QUA

Đủ cả chứ? Nào... đứng cho đều. Đứng thẳng lên, Im. Tao bảo im kia mà. (Một lát). Được rồi. Bây giờ thì cúi đầu xuống, nhắm mắt lại mà suy gẫm công đức cụ Trời.

Tất cả cúi đầu, nhắm mắt trong yên lặng. Thừa dịp, Qua con len-lén bước ra, nhìn trước nhìn sau rồi bỏ chạy mất hút. Một lát sau, Trùm qua mở mắt, ngẩng đầu, nói tiếp...

Thôi được rồi. Bây giờ thì chúng ta đồng thanh ca ngợi uy thế vạn năng, công đức vĩ đại của cụ Trời. Nào... các con, cả mẹ mày nữa. Tất cả phải nhắc lại

lời của tao. Nào, một, hai (Độc.) Cụ Trời là đấng
vạn năng.

TẤT CẢ

Cụ Trời là đấng vạn năng...

TRỪM QUẠ

Cụ Trời sáng tạo ra muôn loài muôn vật.

TẤT CẢ

Sáng tạo ra muôn loài muôn vật...

TRỪM QUẠ

Cụ Trời sáng tạo ra ta

TẤT CẢ

Sáng tạo ra ta,...

TRỪM QUẠ

Cụ Trời lại còn sáng tạo ra mẹ chúng mày...

TẤT CẢ

Mẹ chúng mày.

TRỪM QUẠ

Cụ Trời lại còn thi ân xuống lệnh cho muôn loài
sinh sản.

TẤT CẢ

Muôn loài sinh sản...

TRỪM QUẠ

Bởi vậy mà có các con.

TẤT CẢ

Các con..

TRỪM QUẠ

Nên, đã là muôn loài...

TẤT CẢ

Muôn loài...

TRỪM QUẠ

Bất kỳ là quạ, là voi, là hùm, là cá,...

TẤT CẢ

Là hùm là cá...

TRỪM QUẠ

Bất luận là loài bò sát như rắn như rân...

TẤT CẢ

Như rắn như rân...

TRỪM QUẠ

Là loài biết bay, là loài biết lội...

TẤT CẢ

Biết lội...

TRỪM QUẠ

Bất luận là loài đi đứng bằng bốn cái chân...

TẤT CẢ

Bốn cái chân...

TRỪM QUẠ

Như chó, như mèo...

TẤT CẢ

Như chó như mèo...

QUẠ CON

Bất luận là loài đi đứng bằng hai cái cẳng...

TẤT CẢ

Hai cái cẳng

TRỪM QUẠ

Như khi, như người...

TẤT CẢ

Như khi, như người...

TRỪM QUẠ

Muôn loài đều phải ghi ơn nhớ đức cụ Trời.

TẤT CẢ

Cụ Trời.

TRÙM QUA

Nhắm mắt lại, cúi đầu xuống, chúng ta cùng suy
gẫm công đức cụ Trời.

Tất cả lại cúi đầu, nhắm mắt. Vira lúc đó,
qua con từ hậu trường đón đến bước ra, lên
lên đứng vào chỗ cũ. Một lát sau, trùm qua
ngẩng đầu nói tiếp:

Thôi, cho nghỉ. (Với qua cái) Mẹ mày dẫn các con
đi chơi, tao còn chút việc. (Bỗng nghiêm giọng) Lỗi.
(Tất cả ngơ ngác) Tao gọi thẳng lỗi. Một mình
thẳng lỗi thôi.

Tất cả vào. Qua con một mình lăm lét đứng lại
Lại đây.

Qua con dứt dè tiến lại đứng trước trùm qua.
Yên lặng một lát.

Mày tưởng qua mắt được bố mày à?

QUA CON

Dạ.

TRÙM QUA

Không dạ gì cả.

QUA CON

Vâng.

TRÙM QUA

Không vâng gì cả. Lúc này mày đi đâu, thẳng kia?
Mày bỏ cả lễ ca ngợi cụ Trời. Mày có biết như
thế là đáng tội không. Mày sẽ phải đầy xuống dưới hạ
giới. (Chỉ xuống khán trường.) xuống dưới kia kia. Mày

sẽ một mình thui thủi, phải thở mới sống, phải ăn
mới sống, phải ngủ mới sống...

QUA CON

(sợ quá khóc thét lên)

Thôi... con biết tội rồi, bố ơi. Từ nay con không
làm thế nữa...

TRÙM QUA

Mày tưởng như thế là đủ à?

QUA CON

Thế còn phải làm gì nữa, bố?

TRÙM QUA

Quy xuống.

Qua con quy xuống

Nhắm mắt lại mà suy gẫm công đức cụ Trời.

Qua con nhắm mắt

Đọc ba lần lời ca ngợi cụ Trời.

QUA CON

(đọc)

Cụ Trời là đấng Vạn năng. Cụ Trời sáng tạo ra
muôn loài... muôn loài...

TRÙM QUA

Muôn vật:

QUA CON

Muôn vật. Cụ Trời sáng tạo ra ta. Cụ trời lại còn
sáng tạo ra... sáng tạo ra...

TRÙM QUA

Mẹ chúng mày...

QUA CON

Mẹ chúng mày, Cụ Trời lại còn thi ân... thi ân...
thi ân...

TRÙM QUA

Xuống lệnh cho muôn loài sinh sản.

QUA CON

Xuống lệnh cho muôn loài sinh sản. (Chợt đổi giọng.)
Bố ơi, có thật thế không, hở bố ?

TRÙM QUA

Thật cái gì ?

QUA CON

Cụ Trời xuống lệnh cho muôn loài sinh sản,

TRÙM QUA

(bất cười)

Không thể sao lại có mây, hở lỗi

QUA CON

Thế loài nào cũng phải nghe lệnh à ?

TRÙM QUA

Chứ sao ?

QUA CON

Không thì sao hở bố ?

TRÙM QUA

Không ấy à ? Không thì bỏ mẹ với cụ Trời.

QUA CON

Ừ, thế thì chết cha anh Nam rồi...

TRÙM QUA

Cái gì ?

QUA CON

(đọc)

Muôn loài sinh sản... muôn loài sinh sản. Bởi vậy
mà có các con. Nên đã là muôn loài...

TRÙM QUA

Này.. anh Nam làm sao, mây ?

QUA CON

Anh Nam ấy à ? Ồ... là lắm bố à. (Đọc.) Nên đã là
muôn loài, bắt kỳ là quạ, là voi, là hùm, là cá...

TRÙM QUA

(bắt đầu sốt ruột)

Tao hỏi mây, thẳng kia...

QUA CON

(tiếp tục)

Bất luận là loài bò sát như rắn, như trăn, là loài
biết bay, là loài biết lội...

TRÙM QUA

Ồ hay, thẳng này...

QUA CON

(tiếp tục)

Bất luận là loài đi đứng bằng bốn cái chân, như
chó như mèo ..

TRÙM QUA

(chờm lại lời Quạ con dậy)

Mây trên tao phải không ?

QUA CON

Đâu có ? Con làm lẽ ca ngời cụ Trời.

TRÙM QUA

Tao hỏi mây : anh Nam làm sao.

QUA CON

Anh Nam ấy à ?

TRÙM QUA

Anh Nam làm sao, mây ?

QUA CON

Chuyện anh ấy rắc rối lắm. Thôi bỏ đi con làm lẽ đã. Nếu không lại phải dày xuống hạ giới, thui thủi một mình... Con sợ lắm, (Quỳ xuống). Con đọc đến chỗ nào rồi bố ?

TRÙM QUA

(tức)

Đến chỗ con khi !

QUA CON

Chưa... Con nhớ ra rồi. Mới đến chỗ con mèo. (Đọc tiếp). Như chó như mèo. Bất luận là loài đi đứng bằng hai cái cẳng, như khỉ, như người... Muốn loài đều phải ghi ơn nhớ đức cụ Trời. Một lần. Mấy lần hử bố ?

TRÙM QUA

(chán ngán)

Ba lần. (Chợt). Hay là thế này vậy. Tao đọc hộ mày.

QUA CON

Cũng được hử bố ?

TRÙM QUA

Được chứ !

QUA CON

(đùng phắt dậy)

Thế bố quỳ xuống mà đọc ngay đi. Bố đọc xong rồi con nói chuyện anh Nam cho bố nghe.

TRÙM QUA

Nhớ nhé.

Trùm quạ quỳ xuống

QUA CON

Nào... cụ Trời là đáng vạn năng...

TRÙM QUA

(đọc)

Cụ Trời là đáng vạn năng. (Đổi giọng). Thôi, để tao đọc thăm vậy.

QUA CON

Ấy, không được.

TRÙM QUA

Được. Được. Tao bảo được mà. Để yên tao đọc.

Trùm quạ nhắm mắt, cúi đầu một lát.
Rồi đứng dậy.

Thôi xong rồi.

QUA CON

Xong rồi kia à ? Bỏ làm lẽ nhanh quá. Bỏ giới thoát.

TRÙM QUA

Không giới mà lại làm được hử mày. (Lại gần Qua con). Thế nào... chuyện anh Nam ra sao ?

QUA CON

Anh Nam... anh ấy cãi nhau với chị Nữ.

TRÙM QUA

Ồ tưởng gì ! Cãi nhau thì ai mà chả cãi nhau được.

QUA CON

Thế bố có biết tại sao hai người cãi nhau không đã nào !

TRÙM QUA

Sao ? Nói nghe.

QUA CON

Anh Nam anh ấy không nghe lệnh cụ Trời.

TRÙM QUA

Sao ? Lệnh gì ?

QUA CON

Lệnh, lệnh ở trong lời ca ngợi bố vừa đọc ấy
ma. Lệnh sinh... sinh...

TRÙM QUA

Lệnh sinh sản ?

QUA CON

Lệnh sinh sản. Đúng rồi.

TRÙM QUA

Chà thế này thì rắc rối to rồi. (Một lát). Nhưng
sao mày biết ?

QUA CON

Lúc này, con thấy hai người cãi nhau. Con nghe
thấy mà.

TRÙM QUA

Mày lại tò mò. Từ rày tao cấm nghe chưa ?

QUA CON

Con có tò mò đâu ?

QUA CON

Không tò mò mà lại nghe lỏm chuyện người khác.

QUA CON

Đâu có ? Con đi theo họ nên mới nghe thấy đấy chứ.

TRÙM QUA

Thế không là nghe lỏm à ?

TRÙM QUA

Bố không biết. Họ cãi nhau to tiếng lắm kia,

TRÙM QUA

Chà... rắc rối quá nhỉ !

QUA CON

Mà... cụ Trời biết rồi.

TRÙM QUA

Ấy chết ! Mày nghe lỏm cả chuyện của ông cụ à ?
Thằng này to gan thật. Mày...

QUA CON

Thì bố đề con nói cho mà nghe. Con thấy họ to
tiếng quá, sợ họ đánh nhau nên con phải ba chân bốn
cẳng chạy đi mách cụ Trời... Thì vừa vặn thấy cụ
đang bàn chuyện với anh Cuội..

TRÙM QUA

Chuyện gì, mày ?

QUA CON

Thì chuyện anh Nam, chứ còn chuyện gì nữa ?

TRÙM QUA

Cụ giới thực. Gì cũng biết. Thế cụ nói gì ?

QUA CON

Cụ bảo anh Cuội phải đi thu xếp việc đó.

TRÙM QUA

Anh Cuội thì thu xếp cái gì ? Anh ấy chỉ có tều...
(Một lát.) Thế bây giờ họ đâu cả rồi ?

QUA CON

Con thấy hai người đi xuống phía Sông Ngân...

TRÙM QUA
(kéo Qua con)

Đi. Đi.

QUA CON

Đi đâu, bố?

TRÙM QUA

Đi xem ra sao. Mày dẫn tao đi.

QUA CON

Bố cũng tò mò...

TRÙM QUA

Tò mò cái con mẹ mày. Có đi không thì bảo?
Ông lại bắt làm lễ nữa bây giờ.

QUA CON

Ừ... Thế thì đi vậy.

*Cả hai vào. Nam và Nữ -- sau là Ngưu
Lang và Chức Nữ -- ra.*

NAM

Không dễ người ta yên một chút được à?

NỮ

Không được.

NAM

Không được? Sao lại không được?

NỮ

Không được là không được.

NAM

Thế này thì chịu làm sao nổi. Trời ơi!

NỮ

Gọi Trời làm gì? Chính cụ ấy bảo như vậy đó.

NAM

Cụ ấy lảo gì cũng phải nghe à?

NỮ

Đừng nói bậy. Cụ ấy mà nghe thấy thì khốn.

NAM

Thì làm sao?

NỮ

Cụ gian.

NAM

Thì đã làm sao?

NỮ

Cụ đánh chết.

NAM

Đồ đấy.

NỮ

Cứ thấy cụ thương rồi nói hồng.

NAM

Thương, thương gì?

NỮ

Thì có thương, cụ mới nặn ra mình.

NAM

Ai khiến?

NỮ

Nói lạ quá. Không nói chuyện nữa.

NAM

Cóc cần.

NỮ

Đã thế, đi mạch ông cụ cho mà xem.

NAM

Cứ việc. Đấy không sợ.

*Yên lặng. Nam ngoảnh đi.
Nữ nhìn quanh quần. Chợt...*

NỮ

(kêu to)

Ồ kia...

NAM

(giật mình)

Cái gì mà kêu ầm lên vậy?

NỮ

Chim. Đới chim.

NAM

Đới chim thì đã làm sao?

NỮ

Hai đứa chúng nó đang thi hành mệnh lệnh cụ Trời.

NAM

Tưởng gì! *(Một lát)*. Đâu?

NỮ

Chúng nó bay rồi.

Yên lặng. Rồi Nữ lại kêu lên...

Ấy...

NAM

Lại chim à?

NỮ

Không, không phải chim. Nai, đới nai vàng.

NAM

Chúng nó cũng bắt được đới chim à?

NỮ

Ồ... sao biết thế?

NAM

Đoán vậy. *(Nhìn quanh)*. Chúng nó chạy đâu rồi?

NỮ

Kia kia... Chúng nó đuổi nhau xuống dưới chân đồi.

NAM

Còn gì nữa không?

NỮ

Còn. Còn phần thông vàng rủ nhau đi tìm nhị cái. Còn... sao Mai lẻo đẹo nhớ sao Hôm.

NAM

Hết chưa?

NỮ

Hết thế nào được? Ông cụ đã ra lệnh...

NAM

Lệnh. Lúc nào cũng lệnh. Lệnh cái con khỉ!

NỮ

Thì... khỉ cũng phải theo lệnh của Trời mà!

NAM

Lệnh, lệnh gì?

NỮ

Quên rồi à? Lệnh sinh sản. Lệnh thi đua trở thành vô số.

NAM

Trời ơi!

NỮ

Sao cứ réo lên ô g cụ lên mà gọi thế?

NAM

Gọi đấy. Trời, Trời, Trời. Làm gì nhau nào?

Cuội ra.

CUỘI

Cái gì thế? Gọi Trời làm gì thế?

NỮ

À, anh Cuội. May quá.

CẢ NAM VÀ NỮ

Anh có biết không?

CUỘI

Tôi biết rồi.

NAM

Anh cũng biết cái lệnh của ông cụ?

CUỘI

Sinh sản. Tôi biết chứ.

NAM

Thế anh đã thi hành cái lệnh ấy chưa?

NỮ

Anh Cuội khác. Anh ấy có muốn cũng chịu.

NAM

Khác, khác cái gì?

NỮ

Anh Cuội có một mình.

NAM

Sao không đi theo anh ấy có phải tiện không?

CUỘI

Ờ... bậy nào. Thôi, nói chuyện đúng đắn.

NỮ

Nhưng sao anh biết anh Cuội?

CUỘI

Bí mật.

NỮ

Lại tên quả rồi. (Với Nam.) Đã bảo mà. To mồm cho lắm vào, không biết đã đến tai ông cụ chưa!

NAM

Đến tai cũng mặc.

NỮ

(với Cuội)

Đấy, anh xem.

CUỘI

(riêng với Nữ)

Thôi, chị cứ để mặc tôi thu xếp.

NỮ

Anh xem. Từ con sâu cái kiến đến chú sơn ca, từ nhánh cỏ chân dổi đến cội thông đỉnh núi, muôn loài như một, tất cả đều răm rắp thi hành mệnh lệnh cụ Trời...

CUỘI

Trừ anh Nam... Tôi biết. Bây giờ thì chị cứ tạm lánh đi một lát. Để tôi đỡ dành anh ấy.

Cuội dẫn Nữ ra. Rồi lại vào một mình.

(Còn tiếp)

ngoại trừ hai con mắt

Anh già biệt cát lầy bụi cháy quốc lộ số 1 vằm nát
lở lổ

Và mắt anh đau nhức không còn thấy gì
không còn thấy gì
những Niệm những Ni những Trinh

Chuyến xe goòng đêm ấy anh kéo tấm mền len « tách
tách xè » xua cũ tú lên tay em hết còn trắng xanh
trai xăn lao động

trước khi cầm lấy

Và biết rằng không còn gì nữa

không còn gì nữa

không còn gì nữa

ngoại trừ hai con mắt

Hai con mắt làm ghen các nữ sinh Đồng Khánh Huế

Hai con mắt chủ nghĩa Mác Lê không làm hết được
màu đen

Màu đen giữa màu xanh

Niệm còn nhớ không sau hội nghị liên khu em tìm nó
và nó để em trở về Phú-Yên không một lần gặp gỡ

Ni còn nhớ không những tay sơ mi trắng xăn trần đêm
mít-tinh buổi ấy ngực căng tròn các chị nữ dân quân—
dĩ nhiên trước ngày cha bị đấu anh bị bắt

Trinh có biết đường đèo Cù Mông mới khai thông anh
chưa được thăm lại ruộng muối Trung Trinh, Lê
Uyên biển nắng, Sông Cầu cát trắng dừa xanh nhớ
đêm Hà Bằng đơn độc chiến dịch nào thất bại gió lửa
heo hút từ nẻo La Hai đôi đũa cùng lặng thinh
không nói

Và Thương. « Đường về làng em tôi xa lắm... ». Tôi
nghe tin Thương « được » xây dựng với một cán bộ
đi tập kết mấy ngày trước khi xuống tàu Ba Lan ra
Bắc. Và trường hợp hãn hữu Thương « được » đi theo.
Chiếc cầu sang thôn Du Quang còn ngập hai con thủy
triều lên xuống. Tôi không bao giờ trở lại. Tuổi trẻ
bị làm mồi cho kế hoạch tình cảm Nam trông đợi Bắc
— Bắc ngóng về Nam. Tập kết không là hai năm. Hồi
kết là chín mười năm sau đấy. Có anh bộ đội về ngủ
với vợ do người ta trả lại một đêm đã thấy thấm thía
hơn lời chính ủy. Thương và tôi hoàn toàn xa lạ. Như
ngày nào hai đứa mình vĩnh biệt. Tôi duy tâm muốn
Thương còn là kỷ niệm. Như Thương khóc không tin
tôi về thành để làm Việt gian. Tôi như còn thấy cát bồi
bờ biển Thái Bình Dương sụp lở dưới chân và hai đứa
niêu kéo nhau giữa khoảng không sáng tinh sương ngày
ấy. Bây giờ không còn gì. Không còn gì Hồ Ngọc
Thương Thương.

Không còn gì ngoài con mắt đau nhức vì bụi đường 19 rất có thể vì vì trùng « Ma Ni Lit » vì căn bệnh quê hương. Sao anh không được đui mù trọn vẹn ?

Tôi già biết nắng bụi mưa bùn và thấy ngoại ô Saigon trở thành xa xỉ. Thấy màu xanh màu trắng màu hồng đại lộ toàn màu hồng đại lộ toàn màu bụi vô danh. Thấy ngã tư Hồng Thập Tự — Đa Kao (điều thừa hưởng duy nhất của cách mạng 1 tháng 11) sao mà cách trở. Cách trở như đường Cường Để và đường Đinh Tiên Hoàng đầu đầu vào nhau để vẫn là hai đường khác biệt. Con mắt đau nhức không còn thấy nổi màu trắng kiêu xa màu đỏ chinh phục màu xanh iêu nguyệt

Con mắt đau nhức thấy gì ? Ni đã về đây hiện ra sao ? Niệm vô sản hóa kiên định lập trường từ đây chỉ có con đường cách mạng. Nhưng cách mạng là cái gì ? Tôi mới hay tin Lê đã bỏ Hồng Thập Tự nước Pháp tìm gặp người anh trai xa xứ tận một hòn đảo Đại Tây Dương hoang dã.

Tôi đeo kính đen ban đêm và mắt còn đau nhức. Tất cả chỉ phiêu lưu đến từng cái đích ngoài tay với. Anh muốn em cùng hiểu một điều cả em cả anh rồi đều chết đi nhưng quê hương rách nát này còn mãi. Cả tên lửa tầm gần tầm xa của Nga của Tàu cũng không thể nào phá vỡ. Nghĩ vậy anh cười với người nữ phóng viên

nước bạn đeo ống ảnh nai nịt cùng mình trên đường Lê Lợi như anh chàng Steinbeck thời kỳ nội chiến Tây Ban Nha. Cô bạn ấy nghiêm nét mặt. Anh muốn em biết rằng bên này không phải là không có những « Carlotta » của tự do.

Con mắt đau nhức thấy gì ? Anh cố ý tìm không gặp được đứa em gái thẳng bạn đi thanh niên thiện chí. Những Thu của bây giờ. Cửa An Túc, Bồng Sơn nào xa. Và anh yên tâm nếu có mù hai mắt.

Vì dù em còn ở Hà Nội đã hồi kết về Nam qua Trung Quốc sang Cuba hay tới miền Nam-Mỹ ở đâu mắt em cũng là đẹp nhất.

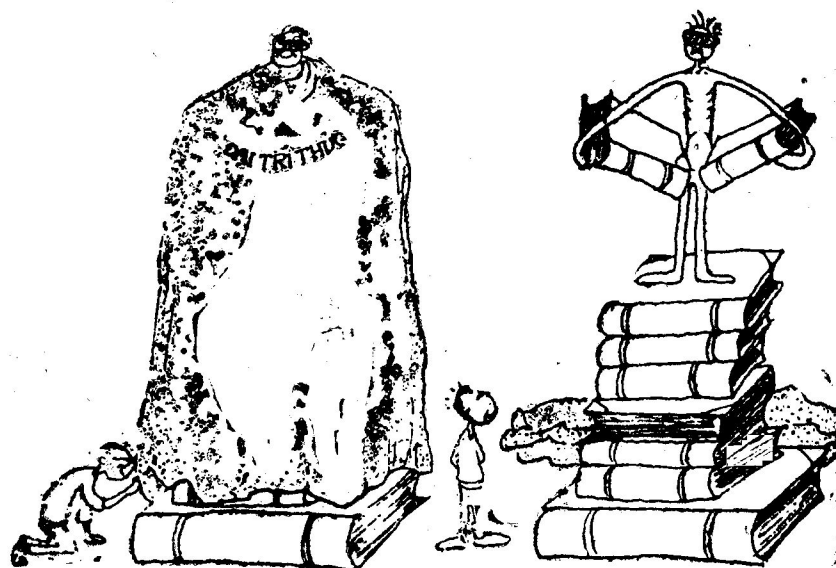
Anh tin người ta không thể tha hóa hai con mắt trông đen

Và anh yên tâm nếu có mù hai mắt.

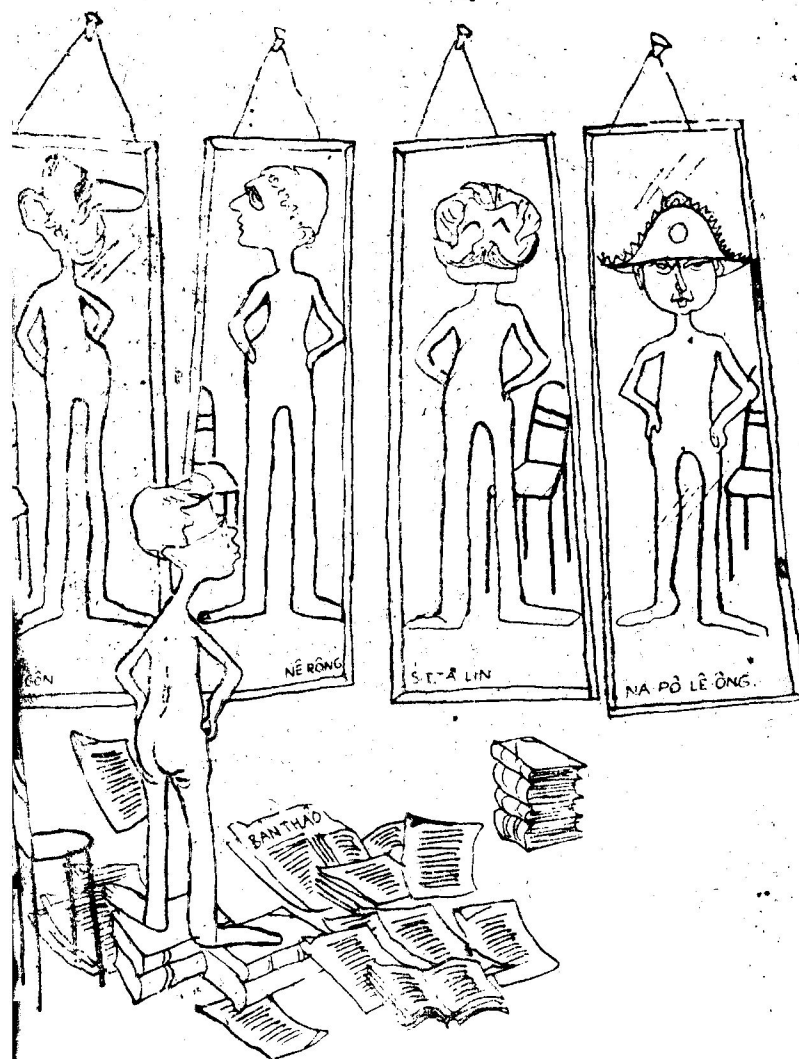
23-8-67

TRẦN LÊ NGUYỄN
(có em hay không có em)

TUÝT



ảo tượng trí thức



TUÝT

NGHĨ VỀ THÀNH PHỐ (Tiếp theo trang 29)

toàn thể, thành phố có những khu vực mới, cũ phân biệt nhưng chúng xa cách bao vây lẫn nhau và ngó từ trên cao Hà Nội vẫn là một. Sự phân ly đoạn tuyệt ở Saigon và Hà Nội phải ra khỏi thành phố nhưng bấy giờ nó mang một bộ mặt khác : bộ mặt cách biệt của thành thị và thôn quê.

Huế do hoàn cảnh đặc biệt còn giữ nguyên thành phố cũ và được ghép thêm một thành phố mới bên hữu ngạn sông Hương. Thành phố cũ với những con đường chật hẹp, những kiểu nhà núp kín trong im lặng của chắt mọt hoặc tranh lá, trong nặng nề của đồ đạc cổ kính, những bãi đất cò thụ hoang vu bảm, quanh những điện đài ao hồ rêu rong là cái thế giới đồng hắc, mùi ẩm mốc quá khứ được những bức tường thành che chở bao bọc. Thành phố mới với những con đường sạch sẽ, những biệt thự, công thự hành chánh—những công, những mái, những vòm, những cột nhưng mặt tiền theo lối kiến trúc thuộc địa uy nghiêm bằng bê tông, đá xam—trường học, nhà thương, nhà ga, sân quần vợt, công viên.v.v. là cái thế giới Tây Phương mang tới trong non một thế kỷ. Tạm gọi là trung tâm thành phố hai phố buôn bên nằm bên tả ngạn ở ngoài vòng thành, nơi làm trung gian giao tiếp của hai thế giới chung đụng nhưng không hòa nhập. Muốn hay không, thành phố của ngày nay cũng là thành phố Lén hữu ngạn với các khu vực hành chánh, giáo dục, y tế...—một sản phẩm của chủ nghĩa tư bản đế quốc để lại—cuộc sinh hoạt của chúng ta bị quy lập trong khung

cảnh ấy. Thành phố tả ngạn nằm trong tường thành chỉ mới là một thị trấn, là nơi « kẻ chợ » bị cắt mất đường phát triển tự nhiên của mình quay vào trong sự khép kín, tự giam đơi bị đẩy lùi thành phế tích.

Nhưng sự vật chỉ là những hiệu báo những lời căm lạng, diễn đời sống của con người. Đi lại hằng ngày trong thành phố Huế, sống đời của Huế, là đi lại sinh hoạt trong sự phân ly của đời người trong xã hội và lịch sử của chúng ta. Nếu Marx thường hay nhắc đến sự tách rời không hợp nhất giữa đời sống riêng tư và đời sống chính trị trong guồng máy Nhà Nước, tư bản, phóng hư tưởng về một cuộc cách mạng thống nhất đời sống: con người vong thân tan nát như những mảnh vụn kết hợp một cách trừu tượng lý thuyết sẽ biến mất nhường chỗ cho con người toàn diện (*L'homme total*—cái tư tưởng cho đến nửa thế kỷ sau của cách mạng vô sản vẫn chỉ là hư tưởng, thực tế giản tiện là tạo một con người đơn thuần—con người chỉ còn đời sống chính trị, ngoài ra là triệt hủy), thì trong đời sống của chúng ta sự tách rời không hợp nhất còn sâu xa thêm một bậc là nằm ngay trong đời sống thường nhật.

Một nhà văn sinh và lớn lên ở Huế đã viết: «Huế là nơi đi xa dễ mà nhớ, không phải là nơi sống dễ mà thương», bởi ở đó mỗi cá nhân, chịu sức đè ép của sự vật, không thể nào kết hợp nổi những mảnh rời của đời sống thường nhật mỗi người. Trong một tuần lễ ở Huế, tôi hầu được điều ấy. Tôi đã theo người bạn quen—đi quanh co trong các ngõ như trong làng—đến chào ông nội của anh (ông cụ già xuất hiện giữa những đồ đạc của một thời

nguyên vẹn trong y phục, cử chỉ của thời cũ tưởng đã mất hẳn, nói chuyện với con cháu trong không khí nghiêm cần và đưa cháu hoang đường cúi đầu nghe) như lạc về tuổi ấu thơ huyền hoặc; tôi đã tìm đến đứng trên thềm nhà ga bỏ phế nhìn lại ấn tượng mơ hồ ngày nhỏ, theo con đường X.D mơ mộng, nghe rõ những cảm xúc, những ý tưởng của mình được dẫn dắt bởi những cái nhìn rung rung của sự vật. Huế chính là nơi phát hiện tấn bi kịch lịch sử mà những thành phố khác khóa lấp trong đời sống thường nhật. Trong cảnh im lìm không biến dạng như một khúc phim quay chậm, đời sống ngưng đọng trong từng giây phút cảm xúc ly tán như được phóng đại không thể che giấu (tôi hiểu tại sao Sartre đã chọn cái khung cảnh Le Havre cho Roquentin nhìn rõ cái đời sống xã hội trường giã giữa hai cuộc thế chiến).

Thành phố bên hữu ngạn đã bắt đầu đâm mọc xen lẫn một vài kiến trúc mới — như chỗ tôi ngồi, ngôi trường trung học kiểu mẫu, tòa nhà dành cho các giáo sư đại học...—Những kiến trúc mới này kiến thức kém hơn chiều sâu, mặt tiền được phô trương toàn thể bằng hình khối và những đường nét chính hơn sự trang điểm tỉ mỉ ở các góc cạnh, đứng bên những kiến trúc thời bảo hộ, biểu diễn một bước tiến từ cá nhân chủ nghĩa đến tập thể chủ nghĩa—một tập thể chủ nghĩa trong xã hội kỹ nghệ trù phú. Tôi đã đứng nhìn tòa nhà nhiều tầng dành cho các giáo sư đại học, phòng ở như những chiếc hộp chồng chất giống nhau, trong cái vẻ đẹp trần trụi xác xược của nó trước cái vẻ kiểu cách kín đáo của ngôi biệt thự đối diện, tưởng tượng những

người trú trong các căn phòng mơ mộng những gì trên những đồ vật ý nghĩa được mô tả minh bạch bằng hình thể vị trí công dụng. Có khi nào họ khởi sự mơ mộng từ một bức vách?

III

Sự trôi dạt của Huế năm 1963 lan tới những thành phố khác đánh dấu một bước lịch sử. Đó là những ngày sôi nổi, những ngày kiêu hãnh, những ngày tràn ngập trong tư tưởng của Huế.

Hư tưởng! con người vẫn còn là hư tưởng, trong một thế kỷ chứng kiến sự chết thảm hại của hư tưởng lớn lao chưa từng thấy và hư tưởng bị dè bĩu. Khởi đầu một bước lịch sử là lúc Oedipe đứng trước con Sphinx cất tiếng cười cao ngạo về câu thách đố: Con vật nào buổi sáng đi bốn chân, buổi trưa đi hai chân và buổi chiều đi ba chân? Hỡi chàng trẻ tuổi lạ mặt, hãy trả lời thành phố này sẽ thuộc về ngươi. Và Oedipe đã trả lời: «Hỡi loài quái vật nửa người nửa ngợm chuyên mê hoặc dân chúng kia, câu trả lời chính là ta—Oedipe—đang đi qua mặt ngươi vào trong thành phố nơi có kẻ báo trước Định Mệnh khốc liệt đang đón ta. Định Mệnh nào? Trở thành loài quái vật như ngươi chăng? Không đời nào, ta là một con người đi đến nơi hẹn với Định Mệnh—nếu có—một con người hãy còn như một hư tưởng. Nhưng Sphinx ngươi từ nay không còn thể mê hoặc nổi ai». Con Sphinx thất thế và nó tìm cách trả thù. Một người đều biết Định Mệnh của Oedipe: phải khoét mắt mình, bỏ lết giữa sa mạc như con vật khốn nạn nhất trong các loài vật. Nhưng Oedipe biết rõ Định

Mệnh của mình là sự chế tạo của con Sphinx thù nghịch. Trong sa mạc cô đơn Oedipe nói lên cho gió cát nghe: «Hỡi Jocaste yêu dấu của ta, Jocaste muôn ngàn lần yêu dấu, nàng đã từng ôm ta trong lòng nàng biết bao nhiêu ngày tháng làm sao nàng với linh cảm mẫn tiệp của người đàn bà nàng lại không hay ta là một phần máu thịt của nàng. Hỡi dân chúng còn trong thành phố kia, đã bao nhiêu lần ta cùng Jocaste xuất hiện trước mắt mọi người cơ sao chẳng ai nhìn ra chúng ta là hai mẹ con. Phải đợi đến ngày con Sphinx biến hình, đặt ra những ngui vãn—loài quái vật của những nghi vấn—mê hoặc Jocaste, mê hoặc mọi người: Oedipe là ai? từ đâu tới? khiến ta ngỡ ngàng hỏi chính ta chưa rõ, các người đã trông vào cổ ta Định Mệnh theo ý muốn của Sphinx. Ta là ai? Ta là người của câu giải đáp tước hỏ uy quyền của loài quái vật nửa người nửa ngợm và ta còn là một hư tưởng. Hỡi Jocaste yêu dấu, Jocaste muôn ngàn lần yêu dấu... ta chỉ là một hư tưởng».

Hư tưởng chính là Định Mệnh khốc liệt của những con người tan vỡ, những xã hội chia lìa; trong hư tưởng là sự thụ nhận đau thương một đời sống vụn nát thành trăm nghìn mảnh, đồng thời là sự ôm ghì một mối thống nhất khởi điểm ở khoảng trống không của thực tại. Hư tưởng là tìm «điều có thể» trong «điều không có thể» (le possible dans l'impossible), là sự vùng vẫy giữa trần áp của sự vật như một Định Mệnh an bài để ngoi lên thâu đoạt lấy thực tại.

Huế làm sống lại một hư tưởng—hư tưởng về dân tộc—đã tắt lịm từ lâu. Trong sự quấy lộn giữa khoảng không của thực tại, thành phố của mơ mộng của đam

mê thăm kín ấy sẽ diễn lại tấn thảm kịch của Oedipe chăng? Hư tưởng kia có mang nỗi trong nó sức mạnh thống nhất một đời sống phân ly từ sinh hoạt thường nhật?.

Đó là những ý nghĩ cuối cùng của tôi khi rời Huế suốt một ngày bị cầm chân ở phi trường trong cơn mưa đổ ào từng lúc, tiếng đại bác bắn đi qua vòm trời không nhìn thấy làm rung rinh những cửa kính nhà ga. Và lần khuất sau những ý nghĩ ấy tôi nghe đồn dập những hồi khơi động cuồng nộ của một hư tưởng khác của riêng tôi và của những bè bạn từ thuở thiếu niên khuất mặt. Hư tưởng của một thành phố khác.

THANH TÂM TUYỀN

ĐÍNH CHÁNH

Bài thơ của Federico García Lorca:

— Trang 40, Giòng thứ 6 kể từ cuối trang, xin sửa lại là :

Búp kèn hoa huệ trong hàng xanh

— Trang 46, Giòng thứ 3 kể từ đầu trang, xin sửa lại là :

... Một niềm cảm nín thối hoảng yên nghi.

— Trang 47, Giòng thứ 3 kể từ đầu trang, xin sửa lại là :

... để xác chàng chìm sâu vào đêm khuya không tiếng ca loài cá

... và trong những bụi cây trắng xóa sương mù băng giá.



Tòa Án Russell — De Gaulle và Sartre.

Cả thế giới đều hay, do sáng kiến và lời kêu gọi của triết gia Anh Bertrand Russell, một số các nhà chính trị, nhà văn, giáo chức đại học, luật gia Âu Tây đã hội họp tại Londres vào tháng 11 năm 1966 để lập « một tòa án quốc tế chống tội ác chiến tranh tại Việt Nam ». Trong thành phần « tòa án » ấy, Sartre giữ chức chủ tịch. Đảng **ML** ra phiên tòa đầu tiên sẽ họp tại Paris ngày 26 tháng 4. Nhưng ngày 19-4 De Gaulle viết một bức thư trả lời Sartre không cho tòa án họp tại đất Pháp, bức thư được đăng trên tờ tuần báo Le Nouvel Observateur số 128 tuần lễ từ 26-4 đến 3-5 với lời đối đáp của Sartre. Cuộc đối thoại đặc biệt giữa một vị Tổng Thống Cộng hòa vang danh thế giới và một nhà văn vang danh thế giới của một xứ dân chủ vang danh thế giới giúp ta hiểu được khá nhiều điều thú vị.

Lá thư của De Gaulle, được chụp hình đăng lên với chữ ký không có dấu, không có chức vị (trừ trên đầu trang giấy có

một hàng là Le Général De Gaulle) nghĩa là một lá thư riêng mở đầu bằng ba tiếng Mon cher Maître (nếu phải dịch tiếng Việt thì là : Thưa văn sư). Trong thư De Gaulle xác nhận rằng cái quan điểm về chiến tranh V.N. của « tòa án » kia không đối lập với quan điểm của Chính phủ ông. Nhưng ông lại nói rằng ông dù thế nào nước Mỹ cũng vẫn là bạn đồng minh cố cựu của nước Pháp và đang còn nhiều liên hệ nên ông không thể nào để cho nước ấy phải chịu sự phán xét của một thể thức bất chấp luật lệ công pháp quốc tế trên lãnh thổ Pháp. Vậy mà đó lại là chính là trường hợp của hoạt động mà nhà quý tộc Russell và bạn bè đang theo đuổi, khi họ muốn khoác cho công cuộc truy tìm điều tra của họ bộ áo pháp lý và những kết luận trạng của họ cái dáng dấp một bản án... không hoài nghi những động cơ đã thúc đẩy nhà quý tộc Russell và bạn bè của ông hành động, tôi vẫn bắt buộc phải nhận định là họ không được ai ủy thác cho một quyền hành nào, cũng chẳng được giao phó cho một trách nhiệm quốc tế nào và do đó họ không thể nào hoàn tất bất cứ một nành vi công lý nào ?

Trả lời lại De Gaulle, Sartre vẫn biểu lộ những cái sở trường của ông : văn chương và triết lý. Cái óc phân tích đã nhiều lần Sartre cho là đặc điểm của tinh thần trường giả được ông xư dụng triệt để. Chẳng hạn ông phân tích ngôn từ, cách lập luận của De Gaulle một cách cay độc : ông bảo ông viết thư cho De Gaulle là nhân danh một đại diện của « tòa án » trong khi De Gaulle trả lời cố tình gọi là maître tức là chỉ gửi nhà văn không thêm biết đến vị « chủ tịch tòa án ». « Tôi chỉ là maître đối với mấy tên bồi nhà hàng biết tôi viết lách ; thực sự chính là De Gaulle đang trả lời cho người đại diện của tòa án ». Nhưng điều quan hệ là Sartre tố cáo De Gaulle chịu áp lực của Mỹ, tiết lộ rằng Mỹ chỉ cần không cho Pháp thuê những máy tính điện tử khổng lồ đủ khiến cho nền kinh tế Pháp xáo trộn, ngoài ra Mỹ còn có hằng mấy chục phương cách khác để làm áp lực với Chính phủ Pháp. Thật là tàn nhẫn

Rồi Sartre lý luận rằng ông cũng biết « nền công lý thực sự phải lấy thế học vừa ở Nhà Nước vừa ở nơi quần chúng, » biết vậy, nhưng vì không có một chính quyền nào chịu

đứng lên làm còn quần chúng thì, trừ trường hợp cách mạng, không thể nào thiết lập tòa án nên tất nhiên không hề chỉ định những người trong tòa án Russell; do đó những nhà tri thức phải tự chỉ định mình để thành lập tòa án.

• Thật ra tòa án không hề nghĩ đến việc tuyên những bản án và sẽ không bao giờ làm thế: nó chỉ giới hạn trong công tác trình bày những kết luận trạng rút ra từ những lời khai của các nhân chứng và những bản tường trình của các ủy ban chuyên môn mà một số đã sang thăm Bắc Việt. Sartre cho rằng tòa án này là cái bào thai của một tòa án thực sự vĩnh viễn để xử các tội ác chiến tranh ở bất cứ đâu về sau này như tòa Nuremberg ngày trước mà sau khi xử Đức Quốc Xã đảng lý phải giữ lại thì người ta đã bỏ đi và để mặc sự lìm phạm tội ác. Và Sartre cho rằng mọi chính quyền sẽ đều từ chối không cho «tòa án này» họp trên lãnh thổ của mình vì đều muốn giữ lấy cái quyền được phạm các tội ác.

Trong lời đối đáp của Sartre — đại diện cho tòa án Russell — cái việc ông lơ đi coi như không có miền Nam V.N. và tuyên bố thẳng thừng: « Chúng chỉ muốn làm áp lực bắt người ta phải tuyên bố trắng ra là chỉ có một kẻ bị xăm lãg trong trận giặc này và đó là Hồ chí Minh » đã khiến cho cái gọi là tòa án của các ông chẳng còn tí khách quan nào nữa cả. De Gaulle chỉ mới lơ đi có một tính cách chủ tịch tòa án của Sartre đã khiến ông bất mãn trong khi ông lơ đi hàng triệu con người « hiện sinh » cụ thể tại miền Nam thì lại chẳng sao. Cũng chẳng nên lấy làm buồn, Sartre là người làm De Gaulle nề phục, các chính phủ trên thế giới nề phục, còn những người sống tại miền Nam tối tăm chẳng khiến ai phải sợ cả, nói đến hay không chẳng cần, và người miền Nam cũng đã quá quen với tình trạng người ta không đếm xỉa đến mình.

Điều đáng nói hơn là cái lý do « tự chỉ định để thành lập một tòa án chiến tranh quốc tế » để phán xét mọi tội ác chiến tranh do các chính quyền gây ra. Thật là nhân đạo và tiến bộ không chỗ chê, tiêu biểu cho tinh thần nhân bản Tây phương gương mẫu cho toàn thể nhân loại noi theo, không ai

dám bảo rằng các nhà tri thức Tây Phương tán thành hành động của các chính quyền nước họ, các ông hoàn toàn tự do và luôn luôn nêu cao tinh thần độc lập đáng kính. Nhưng nếu nhìn đúng theo triết lý của Sartre thì muốn hay không họ vẫn là đồng lõa của những tình trạng đã xảy ra trên thế giới và việc thiết lập tòa án này trước hết là phủ nhận tinh cách đồng lõa ấy. Cho dù thể trong hành động cao quý ấy nhà quý tộc Russell và văn gia kiêm triết gia Sartre vẫn chứng tỏ sự độc tôn của Âu Tây với thế giới vì chỉ ở Âu Tây các ông mới có sáng kiến và điều kiện để hành động. Thế giới phải cũng như trái đều là ở trong tay các ông và đồng bào các ông, Sartre đã cho cái thái độ đạo đức của Camus thống trách chế độ Cộng sản là biện chính cho xã hội Tây Phương thì hiện nay chính ông đang đứng ở vị trí biện chính ấy, có khác gì.

— Nhìn theo con mắt Á Đông, tòa án của các ông thiết lập có hơi chậm. Đảng lý nó phải có từ thời Nha phiến chiến tranh, từ năm 1858 khi Liên quân Pháp — Tây ban Nha nã đại bác vào cửa biển Đà Nẵng. Tất nhiên thời ấy chưa có nhà quý tộc Russell và Sartre, tri thức Tây Phương chưa có điều kiện dân chủ tiến bộ như ngày nay. Nhưng người Á Đông có quan niệm con cháu phải chịu trách nhiệm về tiền nhân nên dù muốn dù không các ông tri thức Tây Phương không thể nào phủi tay sạch sẽ về những tội ác của ông cha trong quá khứ. Cuộc chiến tranh tàn khốc mà dân tộc V.N. phải chịu đựng nó khởi từ cái ngày chế độ tư bản và cả chế độ Cộng sản nữa do các ông sản xuất ra — những chế độ nuôi dưỡng các ông một cách cụ thể về vật chất cũng như tinh thần — lần lượt bành trướng chế ngự thế giới, nếu muốn điều tra xét xử một cách tường tận đảng lý các ông phải thiết lập một hồ sơ dày cộm cả một thế kỷ, nhưng ý định của các ông không phải thế, bằng óc phân tích trưởng giả thế giới ngày nay phải khởi đầu từ các ông: một thế giới Tây Phương công bằng nhân đạo sẽ được thay thế cho áp bức bóc lột, nhưng công bằng nhân đạo được ban phát ra từ Tây Phương.

Và các thế giới khác vẫn phải chịu ơn các ông nghĩa là chịu ơn Âu Tây của các ông mà các ông mới là đại diện chân chính chưa biết đến ngày nào.

DU THANH HẢO

John Edward Masefield 1879-1967.

Thi sĩ chính thức và được hưởng lương của triều đình Anh quốc. «Poet Laureate» thứ 17 (1930, kế vị Robert Bridges), tác giả trên dưới 70 cuốn sách (gồm 28 thi tập, 14 tiểu thuyết, vô số tiểu sử, truyện, kịch...) vừa từ trần ngày 12 tháng 5 vừa qua tại Abingdon, Anh quốc.

Đặt cạnh những thi sĩ «heavyweight» của Anh như Wordsworth, Byron, Shelley, Keats, Tennyson... thì Masefield chỉ là một thi sĩ hạng feather, hoặc cố lắm là bantam mà thôi. Và các nhà văn học sử Anh cũng đã chỉ xếp cho Masefield một chỗ ngồi vô cùng khiêm tốn trong miếu thờ những thi sĩ quê hương họ rồi.

Nhưng tiếng nói mới của John Masefield, sau một kỷ nguyên gò bó chật hẹp, chật ních những giả đạo đức của xã hội Anh dưới triều bà Hoàng Victoria, một xã hội ca ngợi cái giai cấp tư sản kỹ nghệ mới lên đó, là tiếng nói của những hạng bần dân, bạch đinh, của những «nhà thờ chất phấn thoa son», của những «mụ già hôi hám», những «tên vũ phu say rượu, lấm bùn»: với The Everlasting Mercy, như thế, Masefield đã mở tung một cánh cửa sổ hiện thực vào khoảng trời thơ văn của Anh quốc. Nhưng đó là một thứ hiện thực lạc quan, tin tưởng vào những giá trị tinh thần thiên chúa giáo.

Nhưng cái chất tinh ca và cái lạc quan thiên chúa giáo trong thơ Masefield, kịp đến Thế chiến Thứ Nhất, đã thôi là cái cốt trong văn chương Anh quốc: trên nền trời văn học Anh ta thấy xuất hiện trường phái tượng trưng, trường phái

hướng về nội tâm mang những ám ảnh dục tình mà Freud đã ném vào văn học đó, với Ezra Pound, T.S. Eliot.

Tuy nhiên người ta — và nhất là dân Anh — thường chỉ nhớ tới John Masefield qua những bài thơ đi biển của ông: tiếng gọi của biển khơi vốn là một trong những đề tài cũ nhất trong thi ca một xứ đi biển già nhất thế giới. Những tập như Salt Water Ballads (1902), Dauber (1913) đã là những thành công đầu tiên của thi sĩ biển khơi này vậy (1). Bài thơ đăng nguyên văn dưới đây, cơn sốt biển, là một bài thơ ngắn nổi tiếng nhất của ông mà những học sinh Anh đều phải học thuộc lòng trong những lớp tiểu học; ngôn ngữ của nó theo tôi là thứ ngôn ngữ trực tiếp và mở rộng nhất trong Anh ngữ.

SEA FEVER

*I must go down to the seas again,
[to the lonely sea and the sky,
And all I ask is a tall ship,
[and a star to steer her by;
And the wheel's kick and the wind's song
[and the white sails shaking,
And the grey mist on the sea's face,
[and a grey dawn breaking*

*I must go down to the seas again,
[for the call of the running tide.*

(1) Masefield bỏ nhà hồi 13 tuổi, ra đi sống đời lang thang của thủy thủ cho tới 19 tuổi, đặt chân lên Newfoundland, làm thợ mướn nay đây mai đó, làm bồi, làm thợ mộc xưởng dẹt thảm, và cuối cùng làm... thơ.

Is a wild call and a clear call

[that may not be dented ;

And all I ask is a windy day,

[with the white clouds flying,

And the flung spray and the blown spume,

[and the seagulls crying.

I must go down to the seas again,

[to the vagrant gypsy life,

To the gull's way and the whale's way

[where the wind's like a whetted knife ;

And all I ask is a merry yarn,

[from the laughing fellow-rover

And quiet sleep and a sweet dream

[when the long trick's over.

THẠCH CHUÔNG